



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG
DANANG WATER SUPPLY JOINT STOCK COMPANY

BÁO CÁO | 2020 THƯỜNG NIÊN

MỤC LỤC

THÔNG TIN CHUNG	<i>Trang 1 - 6</i>
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	<i>Trang 7 - 16</i>
BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	<i>Trang 17 - 23</i>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	<i>Trang 24 - 30</i>
QUẢN TRỊ CÔNG TY	<i>Trang 31 - 39</i>
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	<i>Trang 40 - 84</i>

THÔNG TIN CHUNG



1. Thông tin khái quát

TÊN GIAO DỊCH:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0400101066 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 01/07/2010, đăng ký thay đổi lần 8 ngày 01/11/2016.

Vốn điều lệ: 579.640.610.000 đồng

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 695.775.161.193 đồng

Địa chỉ: Số 57 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Số điện thoại: 0236.3697999

Số fax: 0236.3697222

Website: www.dawaco.com.vn

Mã cổ phiếu: DNN

Quá trình hình thành và phát triển

1945 – 1950: Được hình thành vào khoảng những năm 1945-1950, hệ thống cấp nước Đà Nẵng lúc bấy giờ chủ yếu cung cấp nước cho khu vực trung tâm với các giếng khoan và hệ thống đường ống nhỏ bé.

Trước 1954 - 1971: Trước năm 1954 toàn thành phố đều sử dụng nước ngầm với 36 giếng khoan ở độ sâu 30-50m. Đến năm 1971 hai nhà máy khai thác nước sông Cẩm Lệ được xây dựng: Nhà máy nước Cầu Đỏ công suất 5.600 m³/ngày đêm và Nhà máy nước Sân Bay công suất 12.000m³/ngày đêm. Đơn vị quản lý hệ thống cấp nước Đà Nẵng lúc bấy giờ là Thủy cục Đà Nẵng.

1975: Thành phố Đà Nẵng được giải phóng, hệ thống cấp nước Đà Nẵng được giữ nguyên vẹn, chính quyền cách mạng tiếp quản và duy trì liên tục hoạt động sản xuất cấp nước, góp phần giữ gìn tình hình an ninh trật tự trong những ngày đầu thành phố mới được giải phóng. Và ngay sau đó, đơn vị quản lý hệ thống cấp nước thành phố được thành lập có tên gọi là Nhà máy nước Đà Nẵng thay thế cho Thủy cục Đà Nẵng của chế độ cũ, công suất cấp nước lúc đó khoảng 12.000 m³/ngày với 3.084 đồng hồ tiêu thụ của khách hàng.

1979: để đáp ứng yêu cầu phát triển, người dân thành phố cần có nước máy sử dụng, Ban lãnh đạo Nhà máy nước Đà Nẵng lúc đó đã tập trung vào công tác củng cố cơ sở vật chất kỹ thuật, cải tạo, mở rộng nâng công suất Trạm cấp nước Cầu Đỏ đạt mức 12.000 m³/ngày và Trạm cấp nước Sân Bay đạt mức 10.000 m³/ngày. Cùng với việc cải tạo mở rộng các trạm cấp nước, hệ thống đường ống cấp nước các loại cũng được thi công lắp đặt và đến năm 1985 tổng số đồng hồ khách hàng là 13.000 chiếc.

1985: Để đáp ứng yêu cầu phát triển của thành phố, UBND tỉnh Quảng Nam – Đà Nẵng lúc bấy giờ đã thành lập Công ty Cấp nước Quảng Nam Đà Nẵng trên cơ sở Nhà máy nước Đà Nẵng được bổ sung nhiệm vụ và nâng cấp về quy mô tổ chức sản xuất kinh doanh. Được sự quan tâm của lãnh đạo cấp trên, Công ty Cấp nước Quảng Nam – Đà Nẵng đã triển khai các dự án với các công trình mang tính trọng điểm như: Trạm cấp nước Sơn Trà I, II, III, cải tạo nâng công suất Nhà máy nước Cầu Đỏ, Sân Bay, ... Dự án cấp nước thành phố Đà Nẵng giai đoạn I với các hạng mục công trình: Xây dựng trạm bơm phòng mặn tại An Trạch và tuyến ống nước thô D1200 với

công suất 250.000 m³/ngày; xây dựng mới nhà máy công suất 120.000 m³/ngày tại Nhà máy nước Cầu Đỏ...

1990 - 2000: Cùng với việc triển khai dự án, từ sau năm 1990, bộ máy tổ chức của Công ty cũng được củng cố và hoàn thiện, các Trạm cấp nước đổi tên thành các Nhà máy sản xuất nước, các Xí nghiệp được thành lập. Bắt đầu từ năm 2000, các Chi nhánh Cấp nước tại các quận, huyện được ra đời nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu quản lý và giao dịch với khách hàng.

2010: Ngày 14/06/2010, UBND thành phố Đà Nẵng ra Quyết định số 4411/QĐ-UBND về việc Phê duyệt Đề án chuyển Công ty Cấp nước Đà Nẵng (DNNN) thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Cấp nước Đà Nẵng. Ngày 01/07/2010, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Đà Nẵng cấp Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400101066 lần đầu và chính thức hoạt động với hình thức Công ty TNHH MTV.

2016: UBND TP. Đà Nẵng ra Quyết định số 5354/QĐ-UBND ngày 09/08/2016 phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước Đà Nẵng thành CTCP Cấp nước Đà Nẵng. Ngày 18/10/2016, UBND TP. Đà Nẵng tiếp tục ra Quyết định số 7084/QĐ-UBND phê duyệt điều chỉnh Vốn Điều lệ và cơ cấu cổ phần phát hành lần đầu trong Phương án cổ phần hóa. Cơ cấu cổ phần phát hành lần đầu bao gồm: 60% Vốn Nhà nước, 5% bán cho người lao động Công ty và 35% bán cho cổ đông chiến lược.

Ngày 29/10/2016: Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần Cấp nước Đà Nẵng được tổ chức. Ngày 01/11/2016, Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 8, Công ty chính thức hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần với vốn điều lệ là 579.640.610.000 đồng.

2017-nay: Sau 4 năm CPH, Công ty đã đạt được nhiều đổi mới trong công tác điều hành và đầu tư nhiều công trình mang tính đột phá có thể kể đến như:

- + Riêng trong năm 2018, 2019, Dawaco đã sớm triển khai dự án nâng công suất NMN Cầu Đỏ phân kỳ 1 thêm 60.000 m³/ngày, đầu tư đưa vào vận hành NMN Hồ Hòa Trung công suất 10.000 m³/ngày, đầu tư các Diuke qua Sông Hàn, sông Cầu Đỏ bằng các phương pháp thi công hiện đại, tiết kiệm chi phí và hiệu quả cao góp phần cung cấp bổ sung thêm nhu cầu cho các Quận Sơn Trà và Ngũ Hành Sơn và một số khu vực phía Tây bắc của thành phố...;
- + Cơ bản đáp ứng công suất cấp nước bình quân mỗi ngày đêm từ 280.000 m³/ngày - 310.000 m³/ngày cho nhu cầu sử dụng của người dân và doanh nghiệp;
- + Thực hiện thành công đề án dừng thu tiền nước tại nhà và chuyển sang thu hộ tiền nước qua ngân hàng và đối tác thu hộ;
- + Tiến hành công tác đọc chỉ số đồng hồ trong 10 ngày đầu tiên của tháng, không phát hành hóa đơn cho khách hàng sử dụng nước dưới 10 m³/tháng để tạo sự thuận lợi cho khách hàng;
- + Duy trì ổn định và phát huy năng lực sản xuất và tiêu thụ đạt mức tăng trưởng bình quân từ 10% mỗi năm trở lên, đặc biệt năm 2019, Dawaco được xếp hạng 713 trong Top 1000 Doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (Theo thống kê của Tổng Cục thuế vừa công bố ngày 18/10/2019).
- + Năm 2020: Công ty đã triển khai dự án: Nâng công suất nhà máy nước Cầu Đỏ thêm 60.000m³/ngày - GD2 (khởi công tháng 07/2020, dự kiến hoàn thành tháng 05/2021). Hoàn

thành xây dựng các tuyến đập tạm ngăn mặn trên sông Cẩm Lệ nhằm khắc phục và xử lý kịp thời tình trạng nhiễm mặn nguồn nước tại cửa thu nước Cầu Đỏ đảm bảo nguồn cấp nước cho thành phố trong mùa hè năm 2020.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

2.1 Sản phẩm dịch vụ chính:

Công ty đang hoạt động kinh doanh trên các lĩnh vực sau:

- + Kinh doanh vật tư, thiết bị chuyên ngành xây dựng cấp thoát nước;
- + Sản xuất và kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất và các nhu cầu khác;
- + Lắp đặt xây dựng công trình cấp nước;
- + Lập dự án đầu tư xây dựng. Tư vấn, thiết kế và lập tổng dự toán các hệ thống công trình cấp thoát nước có quy mô vừa và nhỏ. Khảo sát địa hình, địa chất, thăm tra hồ sơ thiết kế dự toán, giám sát thi công, quản lý đầu tư xây dựng công trình cấp thoát nước từ nhóm B trở xuống;
- + Kiểm định, cân đo đồng hồ nước.

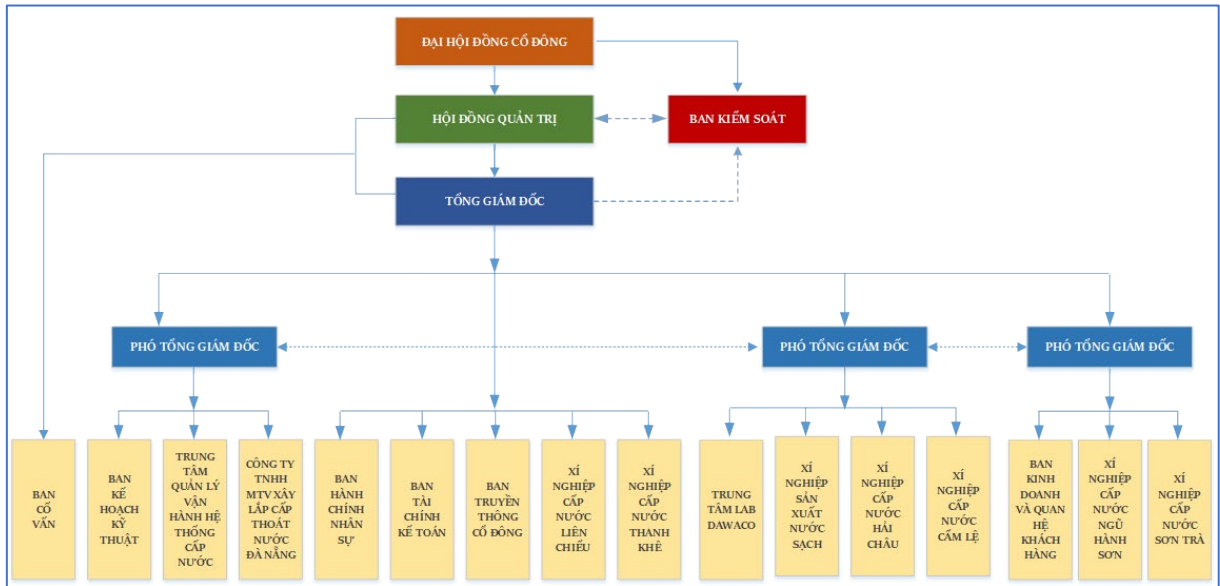
2.2 Địa bàn kinh doanh:

Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng có trụ sở chính đặt tại số 57 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng; có Xí nghiệp Sản xuất nước sạch, Công ty TNHH MTV xây lắp cấp thoát nước Đà Nẵng, Xí nghiệp cấp nước Hải Châu, Xí nghiệp cấp nước Cẩm Lệ, Xí nghiệp cấp nước Sơn Trà, Xí nghiệp cấp nước Ngũ Hành Sơn, Xí nghiệp cấp nước Thanh Khê, Xí nghiệp cấp nước Liên Chiểu tại địa bàn các quận của thành phố Đà Nẵng.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị: Công ty hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần. Theo đó, Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất, được tổ chức và hoạt động theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 137 của Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ Công ty.

- Cơ cấu bộ máy quản lý:



- Các công ty con, công ty liên kết: Công ty TNHH MTV Xây lắp Cấp thoát nước Đà Nẵng – Số 10 Trịnh Công Sơn, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng. Công ty con hoạt động với lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính là thi công và lắp đặt các tuyến ống cấp nước trên địa bàn thành phố...

4. Định hướng phát triển

4.1 Đầu tư mở rộng mạng lưới cấp nước, tăng tỷ lệ bao phủ cấp nước tại các Khu vực ít dân cư:

- + Từ nguồn vốn Công ty: Đầu tư phát triển các tuyến ống phân phối và ống nhánh dịch vụ theo yêu cầu của người dân.
- + Đầu tư Dự án nâng công suất NMN Cầu Đỏ thêm 60.000 m³/ngày – Giai đoạn 2, dự kiến đưa vào hoạt động vào Quý 2/2021.

4.2 Giảm thất thoát và thất thu nước:

- + Đầu tư, xây dựng, triển khai hoạt động của Trung tâm Quản lý vận hành hệ thống cấp nước Dawaco và nâng cấp hệ thống điều khiển SCADA Nhà máy nước Cầu Đỏ, Sân Bay để vận hành, kiểm soát, điều hòa áp lực, lưu lượng mạng lưới và điều chỉnh chế độ vận hành bơm tại các nhà máy/trạm cấp nước phù hợp với nhu cầu sử dụng nước trên mạng lưới, góp phần giảm thất thoát nước.
- + Năm 2020, Công ty đã tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát rò rỉ, các điểm xì vỡ và xác định khu vực thất thoát cao để khoanh vùng xử lý khắc phục thất thoát cơ học
- + Thay thế đồng hồ hư hỏng, chạy không chính xác.
- + Đầu tư cải tạo, thay thế mạng lưới đường ống cấp nước cũ, không đảm bảo chất lượng.
- + Bảo dưỡng đồng hồ van khóa mạng cấp 1 và 2.
- + Trang bị đồng hồ phân vùng tách mạng quản lý cấp nước. Hoàn thiện việc tách mạng các khu vực tại các vùng cấp nước.
- + Lắp đặt bơm tăng áp mạng lưới.
- + Kiểm tra, giám sát phân vùng tách mạng và khắc phục sự cố trên hệ thống mạng truyền dẫn. Chủ động dò tìm rò rỉ, khoanh vùng các khu vực có thất thoát nước cao để xử lý giảm thất

thoát.

- + Tăng cường kiểm soát công tác áp giá, đôn đốc các xí nghiệp cấp nước tiến hành ký lại hợp đồng tiêu thụ nước, điều chỉnh định mức theo đối tượng sử dụng.

4.3 Đầu tư mở rộng mạng lưới cấp nước, tăng tỷ lệ bao phủ cấp nước:

- + Từ nguồn vốn Công ty: Đầu tư phát triển các tuyến ống phân phối và ống nhánh dịch vụ theo yêu cầu của người dân.
- + Đầu tư 3 tuyến ống chính để tăng cường áp lực lưu lượng cho khu vực quận Sơn Trà và quận Ngũ Hành Sơn.
- + Đầu tư và triển khai thi công tuyến ống D1200-1000-800DI đường Thăng Long (đoạn từ NMN Cầu Đỏ đến cầu Tiên Sơn; tuyến ống cấp nước D1200-800DI Hòa Liên (đoạn từ NMN Hòa Liên đến đường số 2 KCN Hòa Khánh).

4.4 Kế hoạch xây dựng, nâng công suất nhà máy sản xuất nước để tăng khả năng cấp nước trong giai đoạn 2020-2025:

- + Tháng 7/2020 đã triển khai dự án: Nâng công suất Nhà máy nước Cầu Đỏ thêm 60.000 m³/ngày – GD2 (dự kiến hoàn thành tháng 05/2021).

4.5 Đảm bảo cấp nước liên tục và an toàn về chất lượng và lưu lượng:

- + Đầu tư các phương án theo dõi và vận hành các nhà máy nước tự động hóa, chủ động phương án phòng mặn, xây dựng các kịch bản ứng phó thiếu nước để đảm bảo cấp nước an toàn.
- + Hoàn thành xây dựng các tuyến đập tạm ngăn mặn trên sông Cẩm Lệ, bao gồm tuyến số 1 dài khoảng 178m về phía thượng lưu cầu Nguyễn Tri Phương (cách cầu khoảng 150m) & tuyến số 2 dài khoảng 120,42m về phía hạ lưu cầu Nguyễn Tri Phương (cách cầu khoảng 130m) nhằm khắc phục và xử lý kịp thời tình trạng nhiễm mặn nguồn nước tại cửa thu nước Cầu Đỏ đảm bảo nguồn cấp nước cho thành phố trong mùa hè năm 2020.

5. Các rủi ro

1. Từ đầu năm 2020 đến nay, do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID nên nhu cầu sử dụng nước sạch của thành phố tăng trưởng thấp (Ngành du lịch dịch vụ; giáo dục; sản xuất của các nhà máy, xí nghiệp không hoạt động). Thêm vào đó, nguồn nguyên liệu hóa chất xử lý nước, vật tư thiết bị để đầu tư phát triển hệ thống cấp nước theo kế hoạch năm bị ảnh hưởng do thiếu nguồn cung ứng.

2. Ngay từ đầu năm 2020, việc xâm nhập mặn đến sớm và mức độ nhiễm mặn cao hơn nhiều so với các năm trước cùng với hoạt động của các hồ thủy điện đầu nguồn đã gây ảnh hưởng lớn đến nguồn cấp nước cho thành phố (cả về lưu lượng và chất lượng).

3. Thủ tục quản lý đầu tư xây dựng hiện hành còn mất nhiều thời gian, dẫn đến tiến độ thực hiện một số dự án trễ, không kịp thời đáp ứng được nhu cầu phát triển cấp nước của thành phố.

4. Một số quy định về khoảng cách bố trí các công trình hạ tầng gây khó khăn cho việc phát triển các tuyến ống cấp nước trong điều kiện không gian dành cho công trình hạ tầng ở đô thị hiện nay rất hạn chế.

5. Mạng lưới đường ống tại một số khu vực còn bất cập, chưa đảm bảo tính chuyển dẫn và phân phối nên rất khó khăn trong việc điều tiết mạng lưới khi cần thiết. Một bộ phận mạng lưới đường ống cấp nước cũ, qua nhiều thời kỳ xuống cấp vẫn chưa được cải tạo thay thế đã làm cho chất lượng nước thiếu tính ổn định và gây thất thoát nước. Việc cải tạo các tuyến cũ dưới vỉa hè, đường nhựa để giảm thất thoát và nâng cao chất lượng nước còn gặp nhiều khó khăn.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1 Các hoạt động của Công ty đã có nề nếp được xây dựng và duy trì từ nhiều năm trước. Khi triển khai nhiệm vụ năm 2020, dưới sự giám sát chỉ đạo điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành Công ty, các đơn vị trong Công ty tiếp tục phát huy và từng bước có sự đổi mới nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý, công tác sản xuất, nâng cao năng suất lao động;

1.2 Công ty tiếp tục nhận được sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo của Thành ủy, lãnh đạo Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, sự hỗ trợ nhiệt tình của các cơ quan ban ngành trong thành phố đã tạo nhiều điều kiện cho Công ty thực hiện hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch năm 2020;

1.3 Đội ngũ CBCNV Công ty về cơ bản đáp ứng yêu cầu công việc, khắc phục những khó khăn, từng bước thực hiện hoàn thành kế hoạch đề ra;

1.4 Việc sắp xếp lại cơ cấu tổ chức của một số Ban chuyên môn đã tạo được sự thuận lợi và tính chủ động trong triển khai các nhiệm vụ;

1.5 Các Công ty, Xí nghiệp trực thuộc đều có sự nỗ lực cố gắng lớn trong thực hiện nhiệm vụ được giao;

1.6 Các dự án đầu tư được đưa vào sử dụng đã phát huy được hiệu quả, góp phần đáp ứng nhu cầu và đảm bảo cung cấp nước cho thành phố.

♣ Cơ cấu doanh thu thuần:

ĐVT: Triệu đồng			
Stt	Doanh thu thuần	Năm 2019	Năm 2020
1	Doanh thu ngành nước	485.776	543.008
2	Doanh thu ngành xây lắp	3.070	4.129
Tổng cộng		488.876	547.137

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Danh sách Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng:

Stt	Thành viên	Chức vụ
1	Ông Lê Đức Quý	Quyền Chủ tịch HĐQT/Phó Tổng giám đốc
2	Ông Hồ Hương	Tổng giám đốc
3	Ông Trần Phước Thương	Phó Tổng giám đốc
4	Ông Hồ Minh Nam	Phó Tổng giám đốc
5	Ông Phan Thịnh	Kế toán trưởng

1/ Q. Chủ tịch HĐQT/Phó tổng giám đốc

Họ và tên: **LÊ ĐỨC QUÝ**

Ngày sinh: 01/01/1964 Giới tính: Nam

Số CMND: 200020492 Cấp ngày: 25/4/2002 Nơi cấp: CA TP Đà Nẵng

Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Hòa Quý – Ngũ Hành Sơn – Đà Nẵng



Nơi ở hiện tại: K44/17 Nguyễn Thành Hãn, P. Hòa Thuận Tây, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

❖ **Trình độ:**

Văn hóa: 12/12

Chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

❖ **Chức vụ hiện nay tại công ty:** Quyền Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

❖ **Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:** Không

❖ **Quá trình công tác:**

1964 - 1981	Còn nhỏ ở với gia đình, đi học và tốt nghiệp PTTH
1981 - 1985	Học và tốt nghiệp Trường Đại học Tài chính-Kế toán TP.Hồ Chí Minh
5/1987 - 6/1996	Chuyên viên phòng Kế hoạch, Sở Xây dựng tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng kiêm nhiệm Kế toán trưởng BQL các công trình xây dựng, BQL vốn quy hoạch thuộc Sở Xây dựng.
7/1996 - 12/1999	Kế toán trưởng, phó phòng Kế hoạch Tài chính, viện quy hoạch đô thị và nông thôn Đà Nẵng
01/2000 - 04/2006	Kế toán trưởng, trưởng phòng Kế hoạch - Tài vụ, Viện quy hoạch xây dựng Đà Nẵng
5/2006 - 6/2007	Kế toán trưởng, Trưởng phòng Tổng hợp, Viện quy hoạch xây dựng Đà Nẵng
7/2007 - 3/2013	Phó viện trưởng Viện quy hoạch xây dựng Đà Nẵng
4/2013 - 10/2016	Trưởng phòng Kế toán tài chính, Sở xây dựng Đà Nẵng
11/2016 - 03/2020	Thành viên HĐQT kiêm Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần Cấp nước Đà Nẵng
04/2020	Quyền Chủ tịch HĐQT kiêm Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần Cấp nước Đà Nẵng

2/ Tổng giám đốc:

Họ và tên: **HỒ HƯƠNG**

Ngày sinh: 20/5/1969 Giới tính: Nam

Số CMND: 201022122 Cấp ngày: 29/12/2009 Nơi cấp: CA TP Đà Nẵng

Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Đại Nghĩa - Đại Lộc - Quảng Nam

Nơi ở hiện tại: 157 Lê Thanh Nghị, P. Hòa Cường Bắc, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

❖ **Trình độ:**

Văn hóa: 12/12

Chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng cầu đường

❖ **Chức vụ hiện nay tại công ty:** Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc

❖ **Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:** Không

❖ **Quá trình công tác:**



1969 - 1993	Còn nhỏ ở với gia đình và đi học tốt nghiệp Đại học Bách khoa Đà Nẵng, khoa Xây dựng cầu đường;
9/1993 - 8/1996	Kỹ thuật viên phòng Kỹ thuật, Công ty Xây dựng Công trình 512
8/1996 - 7/1997	Phó trưởng phòng Kỹ thuật chất lượng, Công ty Xây dựng Công trình 512
7/1997 - 7/2004	Kỹ thuật viên phòng Kế hoạch -Kỹ thuật, BQL Dự án ĐTX D Công trình GTCC Đà Nẵng
7/2004-10/2005	Phó trưởng phòng Kế hoạch -Kỹ thuật, BQL Dự án ĐTXD Công trình GTCC Đà Nẵng
10/2005 - 5/2010	Phó giám đốc Công ty Quản lý cầu đường Đà Nẵng
5/2010 - 6/2014	Trưởng ban, Ban QLDA Hạ tầng giao thông Đô thị Đà Nẵng
6/2014 - 5/2016	Trưởng ban, Ban QLDA xây dựng số 2 tp. Đà Nẵng
5/2016 - 10/2016	Bí thư Đảng ủy, Phó giám đốc Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng, Công nghiệp Đà Nẵng
11/2016 - nay	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty CP Cấp nước Đà Nẵng

3/Phó tổng giám đốc

Họ và tên: **TRẦN PHƯỚC THƯƠNG**

Ngày sinh: 01/01/1966 Giới tính: Nam

Số CMND: 200828004 Cấp ngày: 26/07/2011 Nơi cấp: CA TP Đà Nẵng

Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Hòa Nhơn – Hòa Vang – Đà Nẵng

Nơi ở hiện tại: 205 Phan Đăng Lưu, TP. Đà Nẵng

❖ Trình độ:

Văn hóa: 12/12

Chuyên môn: Kỹ sư Hóa, Cử nhân Kinh tế (Quản trị kinh doanh)

❖ Chức vụ hiện nay tại công ty: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Ban Hành chính – nhân sự

❖ Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

❖ Quá trình công tác:

1966 - 1984 Còn nhỏ, ở với gia đình, học và tốt nghiệp PTTH

1984 - 1989 Học và tốt nghiệp Đại học Bách khoa Đà Nẵng, chuyên ngành Hóa

12/1990 - 4/1994 Cán bộ Kỹ thuật, Quản đốc phân xưởng Nhà máy Thuốc lá Đà Nẵng

4/1994 - 3/1998 Quản đốc Nhà máy xi măng Hòa Khương; Trưởng phòng Marketing Nhà máy xi măng Hòa Khương; Trưởng phòng Tổng hợp Nhà máy xi măng Hòa Khương

4/1998 - 10/2001 Phó Chủ tịch Công đoàn ngành Xây dựng TP.Đà Nẵng

11/2001 - 3/2008 Phó Trưởng phòng Tổ chức hành chính, Công ty Cấp nước Đà Nẵng

4/2008 - 10/2016 Trưởng phòng Tổ chức hành chính, Công ty TNHH MTV Cấp nước ĐN

Từ 11/2016 - nay Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Cấp nước Đà Nẵng.

4/ Phó Tổng giám đốc:

Họ và tên: **HỒ MINH NAM**

Ngày sinh: 10/11/1975 Giới tính: Nam

Số CMND: 201204018 Cấp ngày: 19/12/2006 Nơi cấp: CA TP Đà Nẵng

Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Tam Hải, Núi Thành, Quảng Nam

Nơi ở hiện tại: Hải Phòng, P. Thạch Thang, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

❖ Trình độ:

Văn hóa: 12/12

Chuyên môn: Thạc sỹ Kỹ thuật cơ sở hạ tầng

❖ Chức vụ hiện nay tại công ty: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Ban Kế hoạch – Kỹ thuật

❖ Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

❖ Quá trình công tác:

1975 - 1978 Còn nhỏ ở với cha mẹ tại Hà Nội, vào Đà Nẵng cùng gia đình năm 1987

1978 - 1995 Học sinh cấp I, cấp II, cấp III tại TP Đà Nẵng

1995 - 2016 Bắt đầu làm việc tại Công ty Cấp nước Đà Nẵng nay là Công ty cổ phần Cấp nước Đà Nẵng

2001 Tốt nghiệp đại học Kỹ sư đô thị, chuyên ngành Cấp thoát nước tại trường Đại học Kiến trúc Hà Nội, hệ vừa học vừa làm

6/2001 - 10/2004 Công tác tại Ban QLDA cấp nước Đà Nẵng

10/2004 - 12/2005 Được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó giám đốc Xí nghiệp Xây lắp thuộc Công ty Cấp nước Đà Nẵng

12/2005 - 10/2016 Được bổ nhiệm giữ chức vụ Trưởng chi nhánh Cấp nước Liên Chiểu thuộc Công ty TNHH MTV Cấp nước Đà Nẵng

06/2012 - 10/2014 Học cao học chuyên ngành Kỹ thuật cơ sở hạ tầng đô thị tại trường Đại học Kiến trúc Hà Nội

Từ 11/2016 - nay Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Cấp nước Đà Nẵng.

5/ Kế toán trưởng:

Họ và tên: **PHAN THỊNH**

Ngày sinh: 04/01/1969 Giới tính: Nam

Số CMND: 201916830 Cấp ngày: 12/10/2002 Nơi cấp: CA TP Đà Nẵng

Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Hòa Thọ, Hòa Vang, Đà Nẵng

Nơi ở hiện tại: 300 Núi Thành, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng



❖ **Trình độ:**

Văn hóa: 12/12

Chuyên môn: Cử nhân kinh tế

❖ **Chức vụ hiện nay tại công ty:** Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Ban Tài chính - Kế toán

❖ **Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:** Không

❖ **Quá trình công tác:**

1969 - 1987 Còn nhỏ ở với gia đình, học và tốt nghiệp PTTH

1987 - 1991 Học và tốt nghiệp Đại học Kinh tế, chuyên ngành Tài chính-Kế toán

07/1993 - 3/2003 Nhân viên phòng Kế toán Công ty Cấp nước Đà Nẵng

04/2003 - 12/2003 Phó Trưởng phòng Kế toán Công ty Cấp nước Đà Nẵng

01/2004 - 08/2006 Quyền Kế toán trưởng Công ty Cấp nước Đà Nẵng

09/2006 - đến nay Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Ban Tài chính - Kế toán Công ty cổ phần Cấp nước Đà Nẵng.

2.2 Tình hình nhân sự và các chính sách đối với người lao động:

❖ Tình hình nhân sự (tính đến ngày 31/12/2020)

Stt	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
A	Theo trình độ	532	100%
1	Đại học và sau đại học	230	43,23%
2	Cao đẳng, trung cấp	122	22,93%
3	Công nhân kỹ thuật	46	8,65%
B	Phân loại theo giới tính	532	100%
1	Nam	366	68,80%
2	Nữ	166	31,20%

❖ Thu nhập bình quân của người lao động qua các năm (đồng/người/tháng)

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020
Tổng số lượng người lao động (người)	531	532
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	15.690.000	16.248.000

❖ Chính sách nhân sự

- Tiếp tục sắp xếp lại lao động và bộ máy quản lý chuyên môn hóa nhằm từng bước hoàn thiện cơ cấu tổ chức, giảm tối đa các bất cập, chồng chéo trong xử lý công việc, tạo môi trường làm việc gắn kết, phát huy cao nhất năng suất và hiệu quả làm việc của từng vị trí công việc vì mục tiêu chung phát triển Công ty ngày càng vững mạnh.

- Ngoài ra, để nâng cao năng suất lao động và tiết kiệm chi phí, Công ty đã ban hành các Quy chế tiền lương, đãi ngộ lao động, chính sách hỗ trợ đối với lực lượng lao động dôi dư, nghỉ hưu trước tuổi.

- Có thể nói, công tác quản lý lao động của Công ty đã đi vào nề nếp, năng suất lao động ngày càng tăng. Nếu tính theo sản lượng m³ nước ghi thu thì Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng là một trong những đơn vị tiên phong trong việc sử dụng ít nhân lực nhất của ngành cấp nước.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- Trong công tác đầu tư cải tạo nâng công suất cấp nước, mở rộng mạng lưới đường ống của Công ty tuân thủ theo quy hoạch cấp nước chuyên ngành đã được UBND thành phố Đà Nẵng ban hành theo Quyết định 9018/QĐ-UBND ngày 28/12/2016 và Kế hoạch phát triển hệ thống cấp nước thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2020-2025 đã được UBND thành phố phê duyệt tại Quyết định số 294/QĐ-UBND ngày 21/01/2020.

- Công ty đã triển khai dự án: Nâng công suất nhà máy nước Cầu Đỏ thêm 60.000m³/ngày - GĐ2 (khởi công tháng 07/2020, dự kiến hoàn thành tháng 05/2021).

- Hoàn thành xây dựng các tuyến đập tạm ngăn mặn trên sông Cẩm Lệ, bao gồm tuyến số 1 dài khoảng 178m về phía thượng lưu cầu Nguyễn Tri Phương (cách cầu khoảng 150m) & tuyến số 2 dài khoảng 120,42m về phía hạ lưu cầu Nguyễn Tri Phương (cách cầu khoảng 130m) nhằm khắc phục và xử lý kịp thời tình trạng nhiễm mặn nguồn nước tại cửa thu nước Cầu Đỏ đảm bảo nguồn cấp nước cho thành phố trong mùa hè năm 2020.

- Việc hủy bỏ các dự án vay vốn ADB để tự đầu tư xây dựng mới mạng lưới đường ống truyền tải đã góp phần tiết giảm kinh phí đầu tư từ 35% đến 40% so với vay vốn ADB. Nhiều tuyến ống chuyển tải, phân phối nước sạch được đầu tư lắp đặt góp phần giảm tình trạng nước yếu, thiếu nước cục bộ tại một số khu vực dân cư và nâng cao chất lượng nước. Công ty cơ bản đã đáp ứng công suất cấp nước bình quân từ 280.000 - 310.000m³/ngày; duy trì ổn định và phát huy tốt năng lực sản xuất và đã triển khai thi công 05 tuyến ống cấp nước:

(1) Tuyến ống cấp nước D500-400 DI đường Võ Nguyên Giáp – Hoàng Sa (đoạn từ đường Hồ Xuân Hương đến đường Nguyễn Phan Vinh) đã được thi công hoàn thành đưa vào vận hành để tăng cường áp lực lưu lượng cho khu vực quận Ngũ Hành Sơn và quận Sơn Trà. Tuyến ống có tổng chiều dài 6.952m.

(2) Thi công hoàn thành và đưa vào vận hành tuyến ống D600 DI đường Hồ Xuân Hương tăng cường áp lực lưu lượng cho khu vực quận Ngũ Hành Sơn.

(3) Triển khai thi công tuyến ống cấp nước D400 DI đường Võ Nguyên Giáp – Trường Sa (đoạn từ Hồ Xuân Hương đến Võ Quý Huân) để đảm bảo cung cấp nước cho khu vực quận Ngũ Hành Sơn. Hiện khối lượng thi công đạt 30%, dự kiến hoàn thành trong đầu quý II năm 2021.

(4) Tuyến ống cấp nước D1200-1000-800DI đường Thăng Long (đoạn từ Nhà máy nước Cầu Đỏ đến cầu Tiên Sơn). Tổng chiều dài toàn tuyến là 6.950m. Trong năm 2020, đã triển khai thi công đoạn từ cầu Cẩm Lệ đến cầu Nguyễn Tri Phương để cùng với tiến độ thi công nâng cấp, cải tạo cảnh quan vỉa hè đường Thăng Long. Toàn bộ tuyến ống dự kiến hoàn thành trong quý II năm 2021.

(5) Triển khai thi công tuyến ống cấp nước D1200-800DI Hòa Liên (đoạn từ NMN Hòa Liên đến đường số 2 KCN Hòa Khánh), trong đó đã thi công hoàn thành tuyến ống D800 trên đường số 2 KCN Hòa Khánh. Toàn bộ tuyến ống dự kiến hoàn thành trong quý II năm 2021.

- Trong năm 2020, Công ty đã đầu tư 28,349 tỷ đồng để phát triển và cải tạo mạng lưới đường ống phân phối, lắp đặt và sửa chữa, thay thế đồng hồ điện tử để kiểm soát thất thoát

nước; mua sắm mới, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa các thiết bị, máy móc và cải tạo, nâng cấp các công trình xử lý tại các nhà máy, trạm cấp nước đảm bảo hoạt động cấp nước liên tục, an toàn.

Trong đó:

Đầu tư 25,535 tỷ đồng cho phát triển và cải tạo mạng lưới đường ống đường ống phân phối các khu vực với chiều dài đường ống lắp đặt mới 42,285 km và chiều dài đường ống cải tạo là 14,37 km.

- + Vùng Hải Châu: Đầu tư 3,042 tỷ đồng, lắp đặt mới 2,579 km và cải tạo 1,849 km;
- + Vùng Thanh Khê: Đầu tư 2,625 tỷ đồng, lắp đặt mới 2,015 km và cải tạo 1,681 km;
- + Vùng Liên Chiểu: Đầu tư 6,155 tỷ đồng, lắp đặt mới 14,388 km và cải tạo 4,263 km;
- + Vùng Cẩm Lệ: Đầu tư 7,144 tỷ đồng, lắp đặt mới 16,987 km và cải tạo 3,534 km;
- + Vùng Sơn Trà: Đầu tư 2,786 tỷ đồng, lắp đặt mới 2,224 km và cải tạo 1,707 km;
- + Vùng Ngũ Hành Sơn: Đầu tư 3,782 tỷ đồng, ống lắp đặt mới 4,093km và cải tạo 1,337 km.

- Xây dựng phòng làm việc và thi công lắp đặt thiết bị của Trung tâm Quản lý vận hành hệ thống cấp nước Dawaco, nâng cấp hệ thống điều khiển SCADA Nhà máy nước Cầu Đỏ, Sân Bay với chi phí đầu tư khoảng 13,42 tỷ đồng từ nguồn vốn Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ của doanh nghiệp để vận hành, kiểm soát, điều hòa áp lực, lưu lượng mạng lưới và điều chỉnh chế độ vận hành bơm tại các nhà máy/trạm cấp nước phù hợp với nhu cầu sử dụng nước trên mạng lưới, góp phần giảm thất thoát nước.

- Đã đầu tư hơn 4,0 tỷ đồng từ nguồn vốn Công ty để nâng cấp, cải tạo các phòng làm việc tại văn phòng Công ty cho phù hợp với quy mô doanh nghiệp và tổ chức hợp lý công năng sử dụng, tạo thuận lợi cho công việc và đáp ứng yêu cầu công tác quản lý; đồng thời góp phần tạo dựng bộ mặt khang trang, sạch đẹp, văn minh hiện đại cho doanh nghiệp.

- Triển khai cải tạo cảnh quan và hạ tầng kỹ thuật nhà máy của NMN Cầu Đỏ cho phù hợp với quy mô của nhà máy với tổng mức đầu tư 2,7 tỷ đồng.

4. Tình hình tài chính

a) *Tình hình tài chính:*

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2019	Năm 2020
1	Tổng giá trị tài sản	Triệu đồng	1.215.482	1.298.387
2	Doanh thu thuần	Triệu đồng	547.586	491.315
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	196.133	155.108
4	Lợi nhuận khác	Triệu đồng	8.743	5.653
5	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	204.876	160.761
6	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	163.639	128.554
7	Tỷ lệ cổ tức	%	19,7	19,7



b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	3,69	3,49
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	3,27	2,60
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	40,52	43,95
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	68,12	78,44
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	8,70	4,36
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,90	0,409
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	29,884	26,165
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	23,26	17,66
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	13,96	10,71
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động SXKD/Doanh thu thuần	%	35,82	31,57

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần

- + Cổ phần phổ thông: 57.964.061 cổ phần
- + Cổ phần ưu đãi: 0 cổ phần
- + Số lượng cổ phần đang lưu hành: 57.964.061 cổ phần
- + Cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- + Mệnh giá: 10.000 VNĐ
- + Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 1.941.300 CP (3,35% Vốn điều lệ Công ty).

b) Cơ cấu cổ đông

(đến ngày 31/12/2020)

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Cổ đông trong nước	57.964.061	579.640.610.000	100
1	Nhà nước	34.824.217	348.242.170.000	60,08
2	Cá nhân	2.853.100	28.531.000.000	4,92
3	Tổ chức	20.286.744	202.867.440.000	35,00
III	Cổ đông nước ngoài	-	-	-
1	Cá nhân	-	-	-
2	Tổ chức	-	-	-
Tổng cộng		57.964.061	579.640.610.000	100

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

Không có.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không có.

e) Các chứng khoán khác

Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1 Đối với môi trường

- + Là một doanh nghiệp sử dụng tài nguyên nước khá lớn trên địa bàn, Công ty xác định việc chấp hành pháp luật về tài nguyên nước là trách nhiệm và quyền lợi của doanh nghiệp, ngoài việc phối hợp với các ngành chức năng để bảo vệ khai thác nguồn nước hiệu quả, tiết kiệm, hạn chế ô nhiễm nguồn nước. Công ty thường xuyên kiểm tra chất lượng nguồn nước thô, quan tâm công tác xả thải nhằm hạn chế thấp nhất ô nhiễm môi trường.
- + Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là cung cấp nước sạch, một sản phẩm thiết yếu cho nhu cầu sinh hoạt hằng ngày của người dân, do đó ngoài hoạt động kinh doanh, Công ty còn phải đảm bảo vai trò phục vụ an sinh xã hội, Công ty sẽ nỗ lực để nhân dân trong khu vực được sử dụng nước sạch, góp phần cùng cơ quan ban ngành chức năng cải thiện môi trường sống và chăm lo sức khỏe cho nhân dân.
- + Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường hàng năm, công nghệ sản xuất nước sạch của Công ty phù hợp với tiêu chuẩn môi trường theo quy định. Ngoài ra các đoàn kiểm tra giám sát về môi trường của tỉnh và cơ quan thẩm quyền thường xuyên đến Công ty kiểm tra đã đánh giá Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh đảm bảo vệ sinh và môi trường.

6.2 Chính sách liên quan đến người lao động

- + Công ty đã thực hiện tốt việc đóng Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động, đặc biệt số lao động thời vụ lâu năm cũng đã được ký hợp đồng và đóng bảo hiểm xã hội. Đoàn kiểm tra của Bảo hiểm xã hội thành phố Đà Nẵng cũng đã đánh giá tốt việc thực hiện các chế độ chính sách về pháp luật lao động và bảo hiểm xã hội của Công ty. Ngoài ra, Công ty còn mua bảo hiểm con người cho toàn thể CBCNV với mức 260.000đ/người/năm. Phối hợp với Công đoàn giải quyết trợ cấp khó khăn cho 322 lượt CBCNV hoặc người thân đau ốm với tổng số tiền là 226 triệu đồng từ quỹ phúc lợi.
- + Tuyên truyền, giáo dục CBCNV chấp hành đúng các quy định về bảo đảm an toàn lao động, phòng chống cháy nổ. Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, đồng phục cho CBCNV Công ty trong năm 2020.
- + Thực hiện tốt công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cho người lao động. Công ty cũng đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV vào những thời điểm phù hợp đảm bảo an toàn về phòng chống dịch bệnh theo quy định.
- + Cùng với mục tiêu phát triển doanh nghiệp, Công ty tiếp tục làm tốt công tác xã hội, chăm lo cộng đồng thông qua việc thăm hỏi, hỗ trợ, giúp đỡ các tổ chức từ thiện, phụng dưỡng mẹ VNAH và các hộ nghèo trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Nam.

6.3 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:



- + Hằng năm ủng hộ 1 tỷ đồng chăm lo Tết cho các hộ nghèo tại 6 quận trên địa bàn thành phố, 1 huyện Hòa Vang và xã Đại Nghĩa thuộc tỉnh Quảng Nam do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tại các quận huyện kêu gọi.
- + Đóng góp các chương trình ủng hộ từ thiện cho CBCNV có hoàn cảnh khó khăn.
- + Chăm lo phụng dưỡng cho 3 Mẹ Việt Nam Anh Hùng...

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Stt	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2020		Tỷ lệ %
			Kế hoạch	Thực hiện	
1	Nước sản xuất	Triệu m ³	100,363	101,978	101,61
2	Nước ghi thu	Triệu m ³	84,243	85,652	101,67
3	Đồng hồ đặt mới	Cái		7.788	
4	Tỷ lệ thất thoát	%	14,49	15,90	+1,41
5	Giá trị sản xuất xây lắp	Tỷ đồng	32,860	29,349	89,32
6	Doanh thu trước thuế	Tỷ đồng	484,799	491,314	101,34
	- Ngành nước	Tỷ đồng	480,899	485,776	101,01
	- Ngành xây lắp	Tỷ đồng	3,500	5,140	146,86
	- Ngành vật tư	Tỷ đồng	0,400	0,367	91,75
	- Nước đóng chai	Tỷ đồng		0,031	
7	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	120,000	160,761	133,97
8	Các khoản nộp ngân sách	Tỷ đồng	121,000	130,723	108,04
9	Thu nhập bình quân	Triệu đồng	15,90	16,30	102,52

1.1 Những thuận lợi và khó khăn

Thuận lợi

1. Các hoạt động của Công ty đã có nề nếp được xây dựng và duy trì từ nhiều năm trước. Khi triển khai nhiệm vụ năm 2020, Công ty tiếp tục nhận được sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo của Thành ủy, lãnh đạo Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, sự hỗ trợ nhiệt tình của các cơ quan ban ngành trong thành phố đã tạo nhiều điều kiện cho Công ty thực hiện hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch năm 2020.

2. Sự quyết liệt trong chỉ đạo, linh hoạt trong điều hành của Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành Công ty trong đổi mới phương thức hoạt động, nâng cao hiệu quả công tác quản lý và năng suất lao động. Các Ban chuyên môn sau khi sắp xếp lại cơ cấu tổ chức đã phát huy được tính chủ động, linh hoạt và hiệu quả trong triển khai thực hiện nhiệm vụ.

3. Việc tiếp tục triển khai thực hiện các dự án đầu tư đảm bảo nguồn nước và kịp thời thi công 05 tuyến ống cấp nước lớn bổ sung lưu lượng nước sạch giúp đáp ứng nhu cầu dùng nước cho thành phố.

4. Đội ngũ CBCNV Công ty về cơ bản đáp ứng yêu cầu công việc, khắc phục những khó khăn, từng bước thực hiện hoàn thành kế hoạch đề ra.

5. Các Công ty, Xí nghiệp trực thuộc đều có sự nỗ lực cố gắng lớn trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

6. Các dự án đầu tư được đưa vào sử dụng đã phát huy được hiệu quả, góp phần đáp ứng nhu cầu và đảm bảo cung cấp nước cho thành phố.

Khó khăn

1. Từ đầu năm 2020 đến nay, do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID nên nhu cầu sử dụng nước sạch của thành phố tăng trưởng thấp (Ngành du lịch dịch vụ; giáo dục; sản xuất của các nhà máy, xí nghiệp không hoạt động). Thêm vào đó, nguồn nguyên liệu hóa chất xử lý nước, vật tư thiết bị để đầu tư phát triển hệ thống cấp nước theo kế hoạch năm bị ảnh hưởng do thiếu nguồn cung ứng.

2. Ngay từ đầu năm 2020, việc xâm nhập mặn đến sớm và mức độ nhiễm mặn cao hơn nhiều so với các năm trước cùng với hoạt động của các hồ thủy điện đầu nguồn đã gây ảnh hưởng lớn đến nguồn cấp nước cho thành phố (cả về lưu lượng và chất lượng).

3. Thủ tục quản lý đầu tư xây dựng hiện hành còn mất nhiều thời gian, dẫn đến tiến độ thực hiện một số dự án trễ, không kịp thời đáp ứng được nhu cầu phát triển cấp nước của thành phố.

4. Một số quy định về khoảng cách bố trí các công trình hạ tầng gây khó khăn cho việc phát triển các tuyến ống cấp nước trong điều kiện không gian dành cho công trình hạ tầng ở đô thị hiện nay rất hạn chế.

5. Mạng lưới đường ống tại một số khu vực còn bất cập, chưa đảm bảo tính chuyển dẫn và phân phối nên rất khó khăn trong việc điều tiết mạng lưới khi cần thiết. Một bộ phận mạng lưới đường ống cấp nước cũ, qua nhiều thời kỳ xuống cấp vẫn chưa được cải tạo thay thế đã làm cho chất lượng nước thiếu tính ổn định và gây thất thoát nước. Việc cải tạo các tuyến cũ dưới vỉa hè, đường nhựa để giảm thất thoát và nâng cao chất lượng nước còn gặp nhiều khó khăn.

6. Tính chủ động, sáng tạo, quyết liệt tại một số bộ phận trong các đơn vị vẫn chưa được chú trọng, vẫn còn tính chây ì nên hiệu quả công việc còn thấp.

7. Khả năng tiếp cận về công nghệ, đặc biệt là lĩnh vực CNTT vẫn còn chậm so với yêu cầu dẫn đến công tác quản trị, quản lý còn nhiều thủ công.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	ĐVT: Triệu đồng	
			Tỷ trọng Năm 2019	Tỷ trọng Năm 2020
Tài sản ngắn hạn	626.480	652.367	51,54%	50,24%
Tài sản dài hạn	589.002	646.020	48,46%	49,76%
Tổng tài sản	1.215.482	1.298.387	100%	100%

Tài sản dài hạn chủ yếu đến từ khoản mục tài sản cố định. Cụ thể như sau:

TSCĐ hữu hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại	ĐVT: Triệu đồng
			Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Nhà cửa, vật kiến trúc	167.231	33.842	20,24%
Máy móc thiết bị	110.738	68.641	61,99%
Phương tiện vận tải truyền dẫn	1.323.835	318.631	24,07%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	6.203	1.468	23,67%
TSCĐ khác	534	444	83,15%

TSCĐ hữu hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Cộng	1.608.541	423.026	26,30%

ĐVT: Triệu Đồng

TSCĐ vô hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Phần mềm kế toán	54,00	-	0,00%
Phần mềm quản lý	8.907,37	688,00	7,72%
Cộng	8.961,37	688,00	7,68%

b) Tình hình nợ phải trả

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Tỷ trọng	
			Năm 2019	Năm 2020
Nợ ngắn hạn	169.672	186.684	34,59%	32,71%
Nợ dài hạn	320.913	384.079	65,41%	67,29%
Tổng nợ phải trả	490.586	570.763	100%	100%

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

3.1 Công tác quản lý

❖ Sản xuất nước và vận hành cấp nước:

- Duy trì ổn định sản xuất tại các nhà máy và trạm cấp nước. Kiểm soát tốt việc tiêu thụ điện năng, hóa chất luôn dưới định mức quy định của nhà nước.

- Nhờ việc đầu tư xây dựng các tuyến đập tạm ngăn mặn trên sông Cẩm Lệ để khắc phục và xử lý kịp thời tình trạng nhiễm mặn nguồn nước tại cửa thu nước Cầu Đỏ đã giúp tăng khai thác nguồn nước thô tại Cầu Đỏ và giảm bơm nước ngọt từ trạm bơm phòng mặn An Trạch về NMN Cầu Đỏ, dẫn đến giảm chi phí sản xuất (chi phí điện năng, mua nước thô,...).

- Trong năm 2020, tổng số giờ chạy bơm An Trạch (tính cho cả 6 bơm) là 4.807 giờ (thấp hơn 3.832 giờ so với năm 2019) với lượng nước bổ sung từ đập An Trạch là 13,426 triệu m³, giảm 12,277 triệu m³ so với năm 2019 trong khi công suất cấp nước cho thành phố trong năm 2020 tương đương năm 2019. Lượng điện tiêu thụ để vận hành máy bơm do đó cũng giảm 368.489 kWh dẫn đến tiết kiệm được chi phí vận hành bơm An Trạch khoảng 3,873 tỷ đồng.

- Ngoài ra, 09 máy bơm hiệu quả năng lượng cao được thay thế tại NMN Cầu Đỏ theo dự án JCM (chính thức đưa vào vận hành từ cuối tháng 8/2017) đã tiếp tục phát huy hiệu quả trong tiết kiệm tiêu thụ điện năng, góp phần giảm chi phí sản xuất. Trong năm 2020, việc giảm tiêu thụ điện năng của 09 máy bơm đã giúp Công ty đã tiết kiệm khoảng 6,0 tỷ đồng.

- Việc thành lập Trung tâm Quản lý vận hành hệ thống cấp nước và chính thức đưa vào hoạt động trong năm 2020 đã bước đầu triển khai tự động hóa trong điều khiển vận hành cấp nước đảm bảo tính chính xác, kịp thời, hiệu quả trong việc kiểm soát áp lực, lưu lượng, chất lượng nước cấp trên toàn hệ thống, góp phần tiết kiệm chi phí (quản lý, vận hành, hóa chất, nhân công, ...), nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước và giảm thất thoát nước.

- Nhìn chung, công tác sản xuất và cung cấp nước sạch của Công ty trong năm 2020 tương đối ổn định. Công ty đã xây dựng các kịch bản ứng phó nhằm phòng ngừa, giảm thiểu, loại bỏ các nguy cơ, rủi ro gây mất an toàn cấp nước, trình các cơ quan chức năng phê duyệt và triển khai thực hiện đã góp phần đảm bảo an ninh, an toàn nguồn cấp nước sạch cho thành phố.

3.2 Công tác giảm thất thoát, thất thu

- Trong năm 2020, Công ty đã tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát rò rỉ, các điểm xì vỡ và xác định khu vực thất thoát cao để khoanh vùng xử lý khắc phục thất thoát cơ học. Đã phát hiện và sửa chữa 7.088 điểm ống bể, trong đó có 296 điểm ống bể lớn ($D \geq 100$); Thay thế 8.069 đồng hồ chạy không chính xác; Cải tạo, thay thế 14,514 km đường ống cũ, hư hỏng, kém chất lượng.

- Tỷ lệ thất thoát nước tính dồn năm 2020 là 15,9%: hoàn thành kế hoạch UBND TP giao và cao hơn 1,41% so với kế hoạch Công ty giao.

- Ban chỉ đạo chống thất thu đã tăng cường kiểm soát việc áp giá, đôn đốc các Xí nghiệp Cấp nước tiến hành ký lại hợp đồng tiêu thụ nước, điều chỉnh định mức theo đối tượng sử dụng. Giá nước bình quân tính dồn năm 2020 là 5.672 đồng/m³, thấp hơn so với năm 2019 là 452 đồng/m³. Về chỉ tiêu ký lại hợp đồng tiêu thụ nước, Công ty hoàn thành 65,8%, thấp hơn 34,2% so với kế hoạch năm.

- Công ty đã triển khai thành công Đề án dừng thu tiền nước tại nhà và chuyển sang thu qua ngân hàng, các quầy thu và các tổ chức trung gian. Tỷ lệ thu qua các tổ chức trung gian đã đạt 97,5%, đến nay đạt 99% chỉ còn 1% thu tại nhà các hộ neo đơn và người già. Điều này đã góp phần đáng kể trong công tác chống thất thu. Trong năm 2020, kết quả tỷ lệ % tiền thu so với tổng tiền phải thu theo hóa đơn phát hành tính dồn cả năm đạt 98,3%, cao hơn 9,3% so với kế hoạch năm; Tỷ lệ % hóa đơn thu được tiền so với tổng số hóa đơn phát hành năm 2020 đạt 97,5%, cao hơn 14,5% so với kế hoạch năm.

3.3 Quản lý, chăm sóc khách hàng và truyền thông:

- Trong năm 2020, Công ty đã phát triển 7.073 khách hàng nâng tổng số đồng hồ khách hàng hiện đang quản lý đạt 302.287 đồng hồ. Trong đó, số đồng hồ không phát hành hóa đơn là 17.637 đồng hồ, chiếm tỷ lệ 5,8%.

- Nhằm nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng, Công ty đã ứng dụng CNTT vào quy trình chăm sóc và quản lý khách hàng qua Trung tâm chăm sóc khách hàng (Call Center) – Tổng đài điện thoại 1900 2345 22 để giải đáp, xử lý nhanh gọn mọi thắc mắc của khách hàng, nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước.

- Công tác truyền thông đã được chú trọng, kịp thời tuyên truyền thông tin về các dự án, công trình cần thiết (đập ngăn mặn trên sông Cấm Lệ), hỗ trợ xử lý khiếu nại của khách hàng trên các phương tiện truyền thông.

3.4 Sắp xếp lại lao động:

- Tiếp tục sắp xếp lại lao động và bộ máy quản lý chuyên môn hóa nhằm từng bước hoàn thiện cơ cấu tổ chức, giảm tối đa các bất cập, chông chéo trong xử lý công việc, tạo môi trường làm việc gắn kết, phát huy cao nhất năng suất và hiệu quả làm việc của từng vị trí công việc vì mục tiêu chung phát triển Công ty ngày càng vững mạnh.

- Ngoài ra, để nâng cao năng suất lao động và tiết kiệm chi phí, Công ty đã ban hành các Quy chế tiền lương, đãi ngộ lao động, chính sách hỗ trợ đối với lực lượng lao động dôi dư, nghỉ hưu trước tuổi.

3.5 Về đầu tư các dự án cấp nước:

- Công ty đã triển khai dự án: Nâng công suất nhà máy nước Cầu Đò thêm 60.000 m³/ngày – GD2 (khởi công vào tháng 07/2020, dự kiến hoàn thành tháng 05/2021).

4. Kế hoạch phát triển

4.1 Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 (Dự kiến kế hoạch 2021):

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2021	Tăng trưởng so với năm 2020 (%)
Nước sản xuất	triệu m ³	99,927	Giảm 2,01%
Nước ghi thu	triệu m ³	83,938	Giảm 2,0%
Đồng hồ thay thế	cái	12.100	+50%
Tỷ lệ thất thoát	%	14,00	Giảm 1,9%
Giá trị SX ngành xây lắp (giao các XNCN)	tỷ đồng	20,00	Giảm 29,0%
Tổng doanh thu trước thuế	tỷ đồng	475,499	Giảm 3,71%
<i>Trong đó: + Ngành Nước</i>	<i>tỷ đồng</i>	<i>473,129</i>	<i>Giảm 1,62%</i>
<i>+ Ngành xây lắp</i>	<i>tỷ đồng</i>	<i>2,370</i>	<i>Giảm 32,29%</i>
Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	115,00	Giảm 17%
Tỷ lệ % tiền thu so với phát hành/tháng	%	99,0%	+0,7%
Tỷ lệ % hóa đơn thu so với phát hành/tháng	%	98,2%	+0,7%
Tỷ lệ % cắt nước của hóa đơn nợ đã đủ điều kiện cắt nước	%	88,0%	
Chỉ tiêu ký lại hợp đồng tiêu thụ nước	%	100%	+34,2%
Các khoản nộp ngân sách	tỷ đồng	130,00	+0,1%
Thu nhập bình quân của người lao động	triệu đồng/người/tháng	16,6	+1,94%

4.2 Việc làm, tiền lương, đời sống, chính sách:

- + Đảm bảo lương, thu nhập cho người lao động công bằng, đúng chế độ. Duy trì ổn định việc làm, tiền lương và thu nhập cho người lao động với mức tăng 1,94% so với năm 2020.
- + Củng cố, sắp xếp, xây dựng hoàn thiện mô hình các Xí nghiệp Cấp nước đảm bảo tính thống nhất, tinh gọn bộ máy và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Chuẩn bị các công việc liên quan để triển khai thí điểm khoán lương cho Xí nghiệp Cấp nước trong Quý 3/2021.
- + Tiếp tục duy trì truyền thống của Công ty trong việc tham gia các hoạt động xã hội, phong trào thi đua yêu nước và đóng góp cho cộng đồng.

4.3 Công tác đầu tư phát triển trọng tâm trong năm 2021:

- + Hoàn thiện thi công, đấu nối và nghiệm thu đưa vào khai thác vận hành công trình: Tuyến ống D500, D400DI đường Võ Nguyên Giáp – Hoàng Sa (đoạn từ Hồ Xuân Hương đến

Nguyễn Phan Vinh) trong tháng 01/2020.

- + Tập trung đẩy mạnh tiến độ thi công các công trình trọng điểm: Tuyến ống D400 DI đường Võ Nguyên Giáp – Trường Sa (đoạn từ Hồ Xuân Hương đến Võ Quý Huân); Tuyến ống D1200, D1000, D800 DI đường Thăng Long; Tuyến ống D1200, D1000, D800 DI Hòa Liên (đoạn từ NMN Hòa Liên đến đường số 2 KCN Hòa Khánh) và quyết liệt đôn đốc nhà thầu đẩy nhanh tiến độ thi công dự án: Nâng công suất NMN Cầu Đỏ thêm 60.000m³/ngày - Giai đoạn 2 đảm bảo hoàn thành đúng tiến độ kế hoạch.
- + Triển khai thi công trước hạng mục xây dựng bể chứa nước sạch và cụm xử lý bùn thuộc dự án Xây dựng NMN Hòa Trung – giai đoạn 2 để trước mắt đáp ứng khả năng xử lý khi vận hành ở công suất 15.000m³/ngày.
- + Đẩy nhanh tiến độ thủ tục pháp lý liên quan để hoàn tất việc đầu tư xây dựng dự án: Nâng công suất trạm bơm nước thô An Trạch lên 420.000m³/ngày và tuyến ống nước thô D1200DI từ trạm bơm An Trạch về NMN Cầu Đỏ.
- + Chuẩn bị hồ sơ liên quan để sớm triển khai thi công Tuyến ống truyền tải phía Đông Nam thành phố Đà Nẵng đồng thời phối hợp với đơn vị tư vấn khẩn trương hoàn thiện hồ sơ quy hoạch chi tiết một số tuyến truyền tải mới. Triển khai thiết kế và thi công khi đủ điều kiện.
- + Hoàn thành công trình Tuyến ống nước sạch DN500 DI từ đường C16 Khu công nghệ cao đến tuyến ống hiện trạng đường Nguyễn Tất Thành phần chưa có mặt bằng (272m ống DN500 DI còn lại chưa thi công được do khu Công nghệ thông tin đang thi công đường).
- + Hoàn thành thi công lắp đặt hệ thống công nghệ xử lý bùn tại NMN Sân Bay và đầu tư phần xây dựng bể thu bùn xả từ các công trình xử lý nhằm hoàn thiện hệ thống xử lý bùn cho NMN Sân Bay.
- + Hoàn thành thi công lắp đặt hệ thống điều khiển SCADA Nhà máy nước Cầu Đỏ, Sân Bay để đi vào hoạt động và vận hành từ Trung tâm QLVH HTCN.
- + Triển khai thực hiện công trình Xây dựng hạ tầng kỹ thuật nhà máy nước Cầu Đỏ (hệ thống đường giao thông nội bộ, thoát nước mưa, điện chiếu sáng) trên cơ sở hiện trạng và quy hoạch được phê duyệt.
- + Thực hiện các công việc chuẩn bị liên quan để ngay khi có chủ trương thống nhất của UBND thành phố sẽ triển khai xây dựng công trình ngăn mặn trên sông Cẩm Lệ kết hợp mở rộng cầu Hòa Xuân cách cửa thu nước Cầu Đỏ khoảng 4.500m về phía hạ lưu.
- + Hoàn thành xây dựng cửa thu nước mới tại nhà máy nước Cầu Đỏ và vận hành tự động hóa việc lấy nước khi nhiễm mặn.

4.4 Công tác quản lý và chăm sóc khách hàng:

- + Cập nhật thông tin dữ liệu khách hàng. Rà soát hoàn thiện quy trình quản lý khách hàng cho phù hợp, thống nhất, đáp ứng yêu cầu quản lý.
- + Giải quyết nhanh, kịp thời các khiếu nại, thắc mắc của khách hàng và phát huy tối đa hiệu quả hoạt động của hệ thống chăm sóc khách hàng Call Center nhằm đem lại sự hài lòng đối với khách hàng.
- + Tăng cường quản lý nhân viên ghi chỉ số đồng hồ, nhân viên chăm sóc khách hàng, hạn chế

tối đa các trường hợp khiếu kiện do không ghi hoặc ghi không chính xác hoặc thái độ phục vụ không tốt.

- + Hoàn thành dứt điểm việc ký lại hợp đồng tiêu thụ nước và định kỳ thống kê số nhân khẩu, hộ dùng nước theo tháng, năm.

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội

- + Nhận thức rằng người lao động là một trong những động lực phát triển của Công ty, Ban Tổng Giám đốc luôn quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ, công nhân viên chức của Công ty. Năm 2020, Ban lãnh đạo đã tiến hành điều chỉnh chính sách lương, thưởng, phúc lợi dựa trên công việc thực tế của người lao động. Bên cạnh đó, Ban lãnh đạo thường xuyên tiếp xúc lắng nghe nguyện vọng của người lao động, hướng đến cải thiện môi trường làm việc theo hướng chuyên nghiệp, tạo điều kiện cho người lao động phát huy hết năng lực cá nhân.
- + Về thực hiện đóng Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp: Công ty luôn duy trì đóng đúng, đủ chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp cho tất cả CBCNV có hợp đồng lao động không xác định thời hạn và có xác định thời hạn từ 12 tháng trở lên. Khi người lao động ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, mắc bệnh nghề nghiệp được giới thiệu đến bệnh viện khám và chữa trị đúng chế độ. Kết hợp với cơ quan BHXH thực hiện thanh toán đầy đủ, không vướng mắc, tồn đọng chế độ BHXH, Bảo hiểm y tế, nghỉ hưu cho CBCNV. Ngoài ra, Công ty còn mua bảo hiểm con người cho toàn thể CBCNV và người lao động với mức 260.000đ/người/năm. Phối hợp với Công đoàn giải quyết trợ cấp khó khăn cho 322 lượt CBCNV hoặc người thân đau ốm với tổng số tiền là 226 triệu đồng từ quỹ phúc lợi.
- + Về cải thiện điều kiện làm việc và chăm lo đời sống tinh thần: Công ty luôn luôn quan tâm đầu tư trang thiết bị văn phòng, mua sắm thiết bị thi công, thiết bị chuyên dùng để phục vụ cho công tác trực tiếp nhằm tăng hiệu quả năng suất lao động, giảm được sức lao động nặng nhọc cho CBCNV.
- + Tuyên truyền, giáo dục CBCNV chấp hành đúng các quy định về bảo đảm an toàn lao động, phòng chống cháy nổ. Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, đồng phục cho CBCNV Công ty trong năm 2020.
- + Thực hiện tốt công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe: trong năm đã tổ chức cho CBCNV khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV.
- + Bên cạnh đó, năm 2020 để nâng cao năng suất lao động và tiết kiệm chi phí, Công ty đã ban hành các Quy chế tiền lương, đãi ngộ lao động, chính sách hỗ trợ đối với lực lượng lao động dôi dư, nghỉ hưu trước tuổi.
- + Cùng với mục tiêu phát triển doanh nghiệp, Công ty tiếp tục làm tốt công tác xã hội, chăm lo cộng đồng thông qua việc thăm hỏi, hỗ trợ, giúp đỡ các tổ chức từ thiện, phụng dưỡng mẹ VNAH và các hộ nghèo trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Nam.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



1. Đánh giá về các mặt của Công ty

1.1. Nhân sự:

- + Hội đồng quản trị: Thành viên HĐQT Đại hội đồng cổ đông lần đầu năm 2016 đã bầu ra Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng gồm 05 thành viên đảm nhiệm vị trí tại Công ty như sau: Ông Nguyễn Trường Ảnh - Chủ tịch HĐQT; Ông Đặng Thanh Bình - Phó Chủ tịch HĐQT; các Ông Hồ Hương, Lê Đức Quý, Thái Văn Thành là thành viên.
- + Đến ngày 01/2/2020, đã miễn nhiệm Ông Nguyễn Trường Ảnh - Chủ tịch HĐQT nghỉ hưu theo chế độ và ngày 25/2/2020, Hội đồng quản trị đã đề cử bầu tạm thời Ông Lê Đức Quý, thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc là Quyền Chủ tịch HĐQT của Công ty.
- + Ban Kiểm soát: Ban kiểm soát gồm có 3 thành viên như sau: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Trưởng ban kiểm soát, Bà Phạm Thị Quế Chi - Kiểm soát viên chuyên trách, Bà Võ Thị Hòa - Kiểm soát viên không chuyên trách.
- + Ban điều hành: Ban điều hành gồm có 5 thành viên như sau: Ông Hồ Hương - Tổng giám đốc, Ông Lê Đức Quý: Quyền Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng giám đốc; Ông Hồ Minh Nam - Phó Tổng giám đốc, Ông Trần Phước Thương - Phó Tổng giám đốc, Ông Phan Thịnh - Kế toán trưởng.

1.2. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020:

- + Công ty hoàn thành các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận trước thuế của kế hoạch sản xuất tài chính năm 2020, cụ thể như sau:

Stt	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2019	Năm 2020		Tỷ lệ (%) KH so với TH 2019	Tỷ lệ (%) so với KH 2020
				Kế hoạch	Thực hiện		
1	Nước sản xuất	Triệu m ³	103,771	100,363	101,978	98,27	101,61
2	Nước ghi thu	Triệu m ³	88,678	84,243	85,652	96,59	101,67
3	Đồng hồ đặt mới	Cái	12.480		7.788	62,40	
4	Tỷ lệ thất thoát	%	14,49	14,49	15,90	+ 1,41	+1,41
5	Giá trị SX xây lắp	Tr.đồng	35,531	32,860	29,349	71,30	89,32
6	Doanh thu trước thuế	Tỷ đồng	547,136	484,799	491,314	88,61	101,34
	- Ngành nước	Tỷ đồng	543,008	480,899	485,776	89,46	101,01
	- Ngành xây lắp	Tỷ đồng	4,129	3,500	5,140	74,35	146,86
	- Ngành vật tư	Tỷ đồng		0,400	0,367		91,75
	- Ngành nước đóng chai	Tỷ đồng			0,031		
7	Các khoản nộp ngân sách	Tỷ đồng	143,39	121,00	130,723	90,56	108,04
8	Thu nhập bình quân	Tr.đồng	15,69	15,90	16,30	103,89	102,52

- + Lợi nhuận trước thuế 2020 đạt 160,760 tỷ đồng vượt kế hoạch 34% và giảm 21,53% so với năm cùng kỳ 2019.

2. Đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị

2.1. Về công tác quản lý điều hành của HĐQT:

- + HĐQT thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp, các văn bản pháp lý có liên quan, Điều lệ Công ty đã được sửa đổi bổ sung đã được thông qua trong Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên 2018 ngày 17/4/2019 và Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên 2020.
- + HĐQT chỉ đạo Ban điều hành thực hiện các công việc theo chức năng - nhiệm vụ đúng quy định và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị; Giám sát chặt chẽ các hoạt động của Ban điều hành; Chỉ đạo sát sao và giải quyết kịp thời các đề xuất của Ban điều hành nhằm mang lại thuận tiện nhất cho khách hàng và hiệu quả kinh tế nhất cho Công ty; Giám sát chặt chẽ công tác quản lý, điều hành cũng như việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ.
- + HĐQT đã thực hiện tốt hoạt động giám sát công tác điều hành của Tổng giám đốc Công ty. Nhằm đảm bảo lợi ích của Nhà nước, cổ đông và người lao động, Hội đồng quản trị thường xuyên theo dõi công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Giám đốc Công ty, phối hợp với Ban Kiểm soát Công ty giám sát các vấn đề:
- + Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 đề ra.
- + Thực hiện các Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng Quản trị đã ban hành về sản xuất kinh doanh và hoạt động của doanh nghiệp.
- + Hàng tháng, Tổng Giám đốc Công ty báo cáo các chỉ tiêu chính cho Hội đồng quản trị; đồng thời qua các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh đến thời điểm hiện tại cũng như phương hướng trong thời gian tới để Hội đồng quản trị xem xét, đánh giá việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, các chỉ tiêu kinh tế tài chính...
- + Căn cứ Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và tình hình thực tế của Công ty, HĐQT đã tổ chức các cuộc họp để xem xét và giải quyết kịp thời các công việc thuộc trách nhiệm của HĐQT và ban hành các Nghị quyết, Quyết định.
- + Công tác quản lý tài chính trong năm qua luôn được HĐQT chú trọng đúng mức. Công tác kiểm toán, kiểm soát chi tiêu tài chính trong hoạt động kinh doanh, trong xây dựng cơ bản thường xuyên được tăng cường, công khai minh bạch tài chính đảm bảo theo quy định của pháp luật...
- + Công ty đã thực hiện tốt công tác công bố thông tin và quan hệ cổ đông theo quy định của pháp luật đối với Công ty đại chúng quy mô lớn.

• Các kết quả cụ thể như sau:

- + HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành tiếp tục phát huy hiệu quả hoạt động của các ban đã được thành lập và hoạt động tích cực, hỗ trợ tốt cho công ty gồm: Ban chuẩn bị dự án đầu tư; Ban chỉ đạo chống thất thu, Ban chỉ đạo chống thất thoát; Hội đồng lương;
- + Tháng 07/2020, để đáp ứng các yêu cầu công việc chuyên môn, HĐQT đã cho thành lập Trung tâm LabDawaco và Trung tâm quản lý vận hành HTCEN Dawaco;
- + Nhìn chung, tất cả các XNCN, XNSXN, các Trung tâm và các Ban của Công ty đã có hoạt động

hiệu quả, đảm nhận tốt công tác chuyên môn, hỗ trợ tích cực cho hoạt động của HĐQT đạt được nhiều mục tiêu quan trọng như: Trong năm 2020, tỷ lệ phát triển khách hàng tiếp tục phát triển, nhu cầu sử dụng nước tăng tại các khu dân cư, khu đô thị mới hình thành. Trong đó nổi trội tại các Quận Cẩm Lệ, Quận Liên Chiểu, số liệu cho thấy tổng số đồng hồ lắp đặt mới trên toàn thành phố là hơn 7.788 đồng hồ, nâng tổng số đồng hồ khách hàng sử dụng nước công ty đang phục vụ gần 302.287 đồng hồ, với tổng công suất cung cấp nước bình quân là 279.723 m³/ngày đêm, phục vụ cho hơn 1 triệu dân thành phố Đà Nẵng.

- + Năm 2020, Công ty đã đầu tư gần 30 tỷ đồng để phát triển và cải tạo mạng lưới đường ống phân phối, lắp đặt và sửa chữa, thay thế đồng hồ điện từ để kiểm soát thất thoát nước; mua sắm mới, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa các thiết bị. máy móc và cải tạo, nâng cấp các công trình xử lý tại các nhà máy, trạm cấp nước đảm bảo hoạt động cấp nước liên tục, an toàn.

2.2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban điều hành

- + Thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên 2020 (ngày 24/4/2020) của Công ty Cổ phần cấp nước Đà Nẵng, HĐQT luôn theo sát và chỉ đạo Ban điều hành thực hiện đúng kế hoạch đã được đại hội thông qua.
- + Nhìn chung, trong năm 2020, Ban điều hành đã luôn bám sát nhiệm vụ kế hoạch, triển khai các giải pháp sản xuất kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty.
- + Ban điều hành đã chủ động tham mưu và đề xuất kịp thời các vấn đề quan trọng để HĐQT Công ty quyết định.
- + Các thành viên Ban điều hành đã có sự phối hợp tốt trong việc giải quyết các công việc của Công ty.
- + Trong năm 2020, Ban điều hành đã có sự phối hợp thực hiện các dự án trọng điểm của Công ty góp phần hoàn thành mục tiêu về chống thất thu như thường xuyên rà soát lại định mức và áp giá theo đúng mục đích sử dụng đảm bảo sự công bằng giữa các hộ sử dụng nước và tăng doanh thu trong năm qua.
- + Bên cạnh những kết quả đạt được, trong năm qua hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn còn một số hạn chế như sau: Từ đầu năm 2020 đến nay, do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID nên nhu cầu sử dụng nước sạch của thành phố tăng trưởng thấp (Ngành du lịch dịch vụ; giáo dục; sản xuất của các nhà máy, xí nghiệp không hoạt động). Thêm vào đó, nguồn nguyên liệu hóa chất xử lý nước, vật tư thiết bị để đầu tư phát triển hệ thống cấp nước theo kế hoạch năm bị ảnh hưởng do thiếu nguồn cung ứng. Ngay từ đầu năm 2020, việc xâm nhập mặn đến sớm và mức độ nhiễm mặn cao hơn nhiều so với các năm trước cùng với hoạt động của các hồ thủy điện đầu nguồn đã gây ảnh hưởng lớn đến nguồn cấp nước cho thành phố (cả về lưu lượng và chất lượng).

3. Định hướng kế hoạch năm 2021

- + Thời tiết năm 2021 dự báo diễn biến phức tạp, lượng mưa ít cùng với việc các công trình thủy lợi, thủy điện đầu nguồn tích nước sẽ ảnh hưởng lớn đến việc khai thác nước nguồn của Công ty.
- + Phát huy những kết quả đã đạt được của năm 2020, tiếp tục thực hiện các giải pháp trong điều hành hoạt động sản xuất - kinh doanh, phấn đấu hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế

hoạch năm 2021 mà Hội đồng quản trị giao khi được ĐHCĐ thường niên năm 2021 thông qua.

3.1. Về tăng công suất nguồn nước cấp cho thành phố:

- + Trong tháng 05/2021 sẽ đưa vào hoạt động dự án Nâng công suất NMN Cầu Đò phân kỳ 2 thêm 60.000 m³/ngày nâng tổng công suất thiết kế các nhà máy lên 346.000 m³/ngày.
- + Đảm bảo công tác sản xuất tại các nhà máy/trạm cấp nước luôn được vận hành ổn định và thật sự an toàn, hiệu quả.
- + Cung cấp đủ nguồn nước thô không bị mặn cho các nhà máy/trạm cấp nước và duy trì ổn định chất lượng nước cấp vào mạng lưới phân phối luôn đạt yêu cầu vệ sinh theo quy định hiện hành của Bộ Y tế.
- + Khai thác tối đa, vận hành hiệu quả mạng lưới đường ống hiện có cũng như các dự án xây dựng mới nhà máy và các tuyến ống chuyển dẫn được thi công hoàn thành đưa vào hoạt động nhằm đáp ứng nhu cầu dùng nước của thành phố.
- + Các Xí nghiệp Cấp nước tập trung quyết liệt cho công tác chống thất thoát, phối hợp với các đơn vị chức năng trong Công ty đề xuất và thực hiện các giải pháp giảm tỷ lệ thất thoát năm 2021 xuống thấp hơn so với năm 2020.
- + Thực hiện vận hành các công trình xử lý, trạm bơm tăng áp thông qua hệ thống SCADA từ Trung tâm Quản lý vận hành HTCN.
- + Bảo dưỡng định kỳ theo kế hoạch đối với các máy bơm, thiết bị điện tử và các công trình xử lý nước tại tất cả các nhà máy sản xuất nước.

3.2. Về công tác chống thất thu:

- + Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc áp giá nước tại các Xí nghiệp cấp nước, nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng trong toàn Công ty.

3.3. Về công tác chống thất thoát nước:

- + Thực hiện thay thế đồng hồ của các hộ dân cư sử dụng lâu năm, không còn chính xác bằng các đồng hồ cấp C.
- + Thay thế triệt để các tuyến ống cũ chất lượng kém, các ống sắt tráng kẽm bằng ống HDPE.
- + Đầu tư trang thiết bị phòng chống thất thoát; tăng cường trách nhiệm đối với công tác trực sửa chữa, đảm bảo phát hiện nhanh chóng và sửa chữa kịp thời các điểm ống bể.
- + Tiếp tục phấn đấu đạt tỷ lệ thất thoát nước ở mức 14%.
- + Nghiên cứu các giải pháp quản lý nước thông minh để có kế hoạch đầu tư lâu dài và đồng bộ.

3.4. Về điều hành quản lý sản xuất:

- + Tập trung đẩy nhanh công tác đầu tư Dự án nâng công suất NMN Cầu Đò phân kỳ 2 thêm 60.000 m³/ngày, nâng tổng công suất NMN Cầu Đò lên 290.000 m³/ngày nhằm đảm bảo sau khi hoàn thành phân kỳ 2 này, Dawaco thật sự chủ động và đảm bảo cấp nước ổn định cho những năm đến.
- + Hoàn thành thi công lắp đặt hệ thống điều khiển SCADA nhà máy nước Cầu Đò, Sân Bay để đi vào hoạt động và vận hành từ Trung tâm Quản lý vận hành HTCN nhằm quản lý vận hành

tốt các nhà máy, duy tu, bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị. Điều hòa lưu lượng, áp lực giữa các nhà máy khi đưa nước ra mạng lưới, tiết kiệm tối đa điện năng và hóa chất xử lý.

- + Thay thế các máy bơm và các thiết bị điện trong các nhà máy nước có công suất tiêu thụ điện và hao hụt điện lớn bằng máy bơm hiệu suất tốt, ít hao tổn điện năng, giảm chi phí vận hành. Triển khai cải tạo mạng lưới đường ống cho phù hợp với nhu cầu sử dụng nước.
- + Tiếp tục hoàn thiện và ban hành các quy chế quản lý khoa học và hiệu quả. Nâng cao ý thức kỷ luật kỷ cương lao động, thực hiện tốt các quy định, quy chế của Công ty. Tăng cường công tác quản lý, sắp xếp lại lao động cho phù hợp, chú trọng công tác đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng, huấn luyện, rèn luyện để xây dựng đội ngũ CBCNV có chất lượng cao, có tác phong công nghiệp.
- + Thực hiện tốt các quy định về khai thác và xả thải, các biện pháp bảo vệ môi trường theo Luật tài nguyên nước.
- + Thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn; đảm bảo chất lượng nước theo quy chuẩn Việt Nam QCVN01: 2009/BYT của Bộ Y tế.
- + Tăng cường trao đổi hợp tác quốc tế để cải tiến hiệu suất sử dụng máy bơm năng suất cao như dự án JCM của Nhật Bản và dự án Đối tác vận hành hệ thống cấp nước giữa Dawaco và Manila Water Asia Pacific, Philippines cho các lĩnh vực gồm Giảm thất thoát nước tại 02 vùng ở Hải Châu; (2) Quản lý tài sản tại Nhà máy nước Cầu Đỏ; (3) Phát triển nguồn nhân lực và (4) Dịch vụ khách hàng.

3.5. Về triển khai thực hiện các dự án trọng điểm:

- + Hoàn thiện thi công, đấu nối và nghiệm thu đưa vào khai thác vận hành công trình: Tuyến ống D500, D400DI đường Võ Nguyên Giáp – Hoàng Sa (đoạn từ Hồ Xuân Hương đến Nguyễn Phan Vinh) trong tháng 01/2020.
- + Tập trung đẩy mạnh tiến độ thi công các công trình trọng điểm: Tuyến ống D400 DI đường Võ Nguyên Giáp – Trường Sa (đoạn từ Hồ Xuân Hương đến Võ Quý Huân); Tuyến ống D1200, D1000, D800 DI đường Thăng Long; Tuyến ống D1200, D1000, D800 DI Hòa Liên (đoạn từ NMN Hòa Liên đến đường số 2 KCN Hòa Khánh) và quyết liệt đôn đốc nhà thầu đẩy nhanh tiến độ thi công dự án: Nâng công suất NMN Cầu Đỏ thêm 60.000m³/ngày - Giai đoạn 2 đảm bảo hoàn thành đúng tiến độ kế hoạch.
- + Triển khai thi công trước hạng mục xây dựng bể chứa nước sạch và cụm xử lý bùn thuộc dự án Xây dựng NMN Hòa Trung – giai đoạn 2 để trước mắt đáp ứng khả năng xử lý khi vận hành ở công suất 15.000m³/ngày.
- + Đẩy nhanh tiến độ thủ tục pháp lý liên quan để hoàn tất việc đầu tư xây dựng dự án: Nâng công suất trạm bơm nước thô An Trạch lên 420.000m³/ngày và tuyến ống nước thô D1200DI từ trạm bơm An Trạch về NMN Cầu Đỏ.
- + Chuẩn bị hồ sơ liên quan để sớm triển khai thi công Tuyến ống truyền tải phía Đông Nam thành phố Đà Nẵng đồng thời phối hợp với đơn vị tư vấn khẩn trương hoàn thiện hồ sơ quy hoạch chi tiết một số tuyến truyền tải mới. Triển khai thiết kế và thi công khi đủ điều kiện.
- + Hoàn thành công trình Tuyến ống nước sạch DN500 DI từ đường C16 Khu công nghệ cao đến tuyến ống hiện trạng đường Nguyễn Tất Thành phần chưa có mặt bằng (272m ống

DN500 DI còn lại chưa thi công được do khu Công nghệ thông tin đang thi công đường).

- + Hoàn thành thi công lắp đặt hệ thống công nghệ xử lý bùn tại NMN Sân Bay và đầu tư phần xây dựng bể thu bùn xả từ các công trình xử lý nhằm hoàn thiện hệ thống xử lý bùn cho NMN Sân Bay.
- + Triển khai thực hiện công trình Xây dựng hạ tầng kỹ thuật nhà máy nước Cầu Đò (hệ thống đường giao thông nội bộ, thoát nước mưa, điện chiếu sáng) trên cơ sở hiện trạng và quy hoạch được phê duyệt.
- + Thực hiện các công việc chuẩn bị liên quan để ngay khi có chủ trương thống nhất của UBND thành phố sẽ triển khai xây dựng công trình ngăn mặn trên sông Cẩm Lệ kết hợp mở rộng cầu Hòa Xuân cách cửa thu nước Cầu Đò khoảng 4.500m về phía hạ lưu.
- + Hoàn thành các thủ tục liên quan để thanh toán và quyết toán vốn đối với các dự án, công trình đã hoàn thành thi công và nghiệm thu đưa vào sử dụng.
- + Hoàn thành xây dựng cửa thu nước mới tại nhà máy nước Cầu Đò và vận hành tự động hóa việc lấy nước khi nhiễm mặn.
- + Nâng cấp, sửa chữa cải tạo các cơ sở sản xuất, văn phòng các Xí nghiệp đảm bảo ổn định và an toàn sản xuất cho người lao động.
- + Tiếp tục thi công phát triển mạng lưới 4 tuyến ống chính phục vụ cho khu vực Sơn Trà và Ngũ Hành Sơn gồm tuyến ống D600 Hồ Xuân Hương, tuyến ống ven biển D500-400 nối Hồ Xuân Hương đến Nguyễn Phan Vinh, tuyến ống ven biển D400 nối Hồ Xuân Hương đến Võ Quý Huân.
- + Tập trung triển khai nâng công suất Trạm bơm An Trạch và đầu tư tuyến ống từ Trạm bơm An Trạch về NMN Cầu Đò góp phần chủ động ứng phó phòng mặn để cấp nước ổn định và an toàn cho toàn thành phố.
- + Chuẩn bị đầu tư tuyến ống đường Thăng Long, tuyến ống đấu nối với NMN Hòa Liên góp phần cấp nước ổn định cho khu vực phía Tây thành phố.

3.6. Về công tác quản trị tài chính:

- + Công tác quản lý tài chính thường xuyên được Hội đồng quản trị chú trọng. Công tác kiểm toán, kiểm soát chi tiêu tài chính trong hoạt động kinh doanh, trong xây dựng cơ bản được tăng cường, công khai minh bạch tài chính đảm bảo theo quy định của pháp luật...
- + Thực hiện tốt công tác công bố thông tin và quan hệ cổ đông theo quy định của pháp luật.

3.7. Về công tác quản trị nhân sự:

- + Đảm bảo lương, thu nhập cho người lao động công bằng, đúng chế độ. Duy trì ổn định việc làm, tiền lương và thu nhập cho người lao động với mức tăng 1,94% so với năm 2020.
- + Củng cố, sắp xếp, xây dựng hoàn thiện mô hình các Xí nghiệp Cấp nước đảm bảo tính thống nhất, tinh gọn bộ máy và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Chuẩn bị các công việc liên quan để triển khai thí điểm khoán lương cho Xí nghiệp Cấp nước trong Quý 3/2021.
- + Chú trọng công tác tuyển dụng, đào tạo nhằm nâng cao các kỹ năng mềm và trình độ giúp người lao động tiếp thu kiến thức mới từ đó nâng cao năng suất lao động. Ngoài ra còn chú trọng đãi ngộ, thu hút nhân tài đối với nhân sự có chuyên môn cao, đáp ứng vượt mức yêu cầu chuyên môn của công việc được giao.

3.8. Về công tác truyền thông, chăm sóc khách hàng và các hoạt động cộng đồng:

- + Chú trọng đến công tác truyền thông, tương tác với khách hàng nhiều hơn, tuyên truyền, quảng bá và cập nhật kịp thời các hoạt động đầu tư, sản xuất, các nỗ lực làm việc ứng phó các sự cố trong các giai đoạn khủng hoảng nước nhiễm mặn, tuyên truyền tiết kiệm nước .. để góp phần định hướng xây dựng hình ảnh một Dawaco tốt hơn, thân thiện, phục vụ, chăm sóc KH chuyên nghiệp trong mắt người dân, doanh nghiệp góp phần tránh những phản ánh tiêu cực không đáng có gây bất lợi cho hình ảnh Công ty.
- + Cập nhật thông tin dữ liệu khách hàng. rà soát hoàn thiện quy trình quản lý khách hàng cho phù hợp, thống nhất, đáp ứng yêu cầu quản lý.
- + Giải quyết nhanh, kịp thời các khiếu nại, thắc mắc của khách hàng và phát huy tối đa hiệu quả hoạt động của hệ thống chăm sóc khách hàng Call Center nhằm đem lại sự hài lòng đối với khách hàng.
- + Tăng cường quản lý nhân viên ghi chỉ số đồng hồ, nhân viên chăm sóc khách hàng, hạn chế tối đa các trường hợp khiếu kiện do không ghi hoặc ghi không chính xác hoặc thái độ phục vụ không tốt.
- + Hoàn thành dứt điểm việc ký lại hợp đồng tiêu thụ nước và định kỳ thống kê số nhân khẩu, hộ dùng nước theo tháng, năm.
- + Duy trì hoạt động hỗ trợ cộng đồng hỗ trợ, giúp đỡ các tổ chức từ thiện, phụng dưỡng 3 mẹ VNAH, đã trao tặng gần 1 tỷ đồng tương đương 2000 xuất quà Tết cho các hộ nghèo trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Nam.

QUẢN TRỊ CÔNG TY



1. Hội đồng quản trị

1.1 Danh sách thành viên Hội đồng quản trị:

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Ông Lê Đức Quý	Quyền Chủ tịch HĐQT/Phó Tổng GD
2	Ông Đặng Thanh Bình	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Ông Hồ Hương	Thành viên HĐQT/Tổng giám đốc
4	Ông Nguyễn Trường Ảnh	Thành viên HĐQT

1.2 Lý lịch thành viên Hội đồng quản trị:

❖ ÔNG LÊ ĐỨC QUÝ – Quyền Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Xem ở phần lý lịch của Ban Tổng Giám đốc

❖ ÔNG ĐẶNG THANH BÌNH – Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Họ và tên : Đặng Thanh Bình

Ngày sinh : 01/01/1963 Giới tính: Nam

Dân tộc : Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán : Đại Nghĩa – Đại Lộc – Quảng Nam

Nơi ở hiện tại : 99 Núi Thành, P. Hòa Thuận Đông, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Trình độ:

+ Văn hóa : 12/12

+ Chuyên môn : Kỹ sư

Chức vụ hiện nay tại công ty: Phó chủ tịch HĐQT

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư Đà Nẵng - Miền Trung; Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư Sài Gòn - Đà Nẵng; Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nhựa cao cấp Đà Nẵng - Miền Trung; Chủ tịch HĐQT Công ty Công trình giao thông Đà Nẵng

Quá trình công tác:

1983 - 1985 Nhân viên, trưởng phòng KH, HTX Nông nghiệp II, Đại Nghĩa – Đại Lộc – Quảng Nam.

1985 - 1988 Phó Chủ nhiệm, Chủ nhiệm HTX Nông nghiệp II, Đại Nghĩa – Đại Lộc – Quảng Nam.

1989 - 1991 Trưởng ban tuyên huấn xã Đại Nghĩa – Đại Lộc – Quảng Nam

1991 - 1994 Chủ nhiệm HTX Sản xuất kinh doanh và Dịch vụ Tổng hợp, Đại Nghĩa – Đại Lộc – Quảng Nam.

1994 - 1996 Chủ tịch UBND xã Đại Nghĩa – Đại Lộc – Quảng Nam

1996 - 1999 Phó trưởng ban, BQL các Dự án Đầu tư xây dựng huyện Đại Lộc, Q.Nam

1999 – 2000 Trưởng phòng KH-Đầu tư, BQL các KCN tỉnh Quảng Nam.

2000 - 2006	Giám đốc Công ty Phát triển và khai thác Hạ tầng KCN Đà Nẵng.
2006 - 10/2016	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư Đà Nẵng - Miền Trung; Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư Sài Gòn - Đà Nẵng; Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nhựa cao cấp Đà Nẵng - Miền Trung; Chủ tịch HĐQT Công ty Công trình giao thông Đà Nẵng
11/2016 - nay	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư Đà Nẵng - Miền Trung; Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư Sài Gòn - Đà Nẵng; Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nhựa cao cấp Đà Nẵng - Miền Trung; Chủ tịch HĐQT Công ty Công trình giao thông Đà Nẵng; Phó chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Cấp nước Đà Nẵng

❖ **ÔNG HỒ HƯƠNG** - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Xem ở phần lý lịch của Ban Tổng Giám đốc

❖ **ÔNG NGUYỄN TRƯỜNG ANH** - Thành viên Hội đồng Quản trị

Họ và tên : Nguyễn Trường Anh
Ngày sinh : 01/01/1960 **Giới tính** : Nam
Dân tộc : Kinh **Quốc tịch** : Việt Nam
Quê quán : Duy Hòa, Duy Xuyên, Quảng Nam
Nơi ở hiện tại: 57 Cao Thắng, P. Thanh Bình, Q.Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Trình độ:

- + Văn hóa : 12/12
- + Chuyên môn : Kỹ sư Cấp thoát nước

Chức vụ hiện nay tại công ty: Thành viên HĐQT

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Quá trình công tác:

1966 - 1978	Đi học và tốt nghiệp PTTH tại Đà Nẵng
1978 - 1979	Thi đỗ Đại học Bách khoa Đà Nẵng, được chọn đi học ngoại ngữ (Tiếng Nga) tại Thành phố Hồ Chí Minh, chuẩn bị đi du học ở Liên Xô
1979 - 1984	Học tại trường Đại học Kỹ thuật Xây dựng Leningrad (Liên Xô)
1985 - 2001	Công tác tại viện thiết kế Xây dựng Quảng Nam - Đà Nẵng, sau được đổi tên thành Công ty tư vấn Thiết kế xây dựng Đà Nẵng. Từ năm 1997: giữ chức vụ Phó giám đốc.
2001 - 10/2016	Công tác tại Công ty TNHH MTV Cấp nước Đà Nẵng
6/2007	Được bổ nhiệm làm Giám đốc Công ty, được bầu làm Bí thư Đảng bộ
6/2010 - 10/2016	Bí thư Đảng bộ, Chủ tịch HĐQT kiêm giám đốc Công ty
11/2016 - 12/2019	Bí thư Đảng bộ, Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Cấp nước Đà Nẵng
01/2020	Bí thư Đảng bộ, Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Cấp nước Đà Nẵng
02/2020-03/2020	Nghỉ hưu theo chế độ

1.3. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-ĐHĐCĐ	24/4/2020	<ol style="list-style-type: none"> Báo cáo Hội đồng quản trị về quản trị, kết quả hoạt động của HĐQT năm 2019 và kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2020. Báo cáo của Ban điều hành về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019, phương hướng sản xuất kinh doanh năm 2020. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động năm 2019 và kế hoạch hoạt động năm 2020. Báo cáo tài chính và Phân phối lợi nhuận năm 2019 và kế hoạch tài chính và Phân phối lợi nhuận năm 2020. Thông qua Tờ trình báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán. (TT số 01/TTr-HĐQT ngày 24/4/2020). Thông qua Tờ trình trích lập quỹ, phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2019 và kế hoạch trích lập quỹ, phân phối lợi nhuận năm 2020. (TT số 02/TTr-HĐQT ngày 24/4/2020). Thông qua Tờ trình báo cáo quỹ lương và thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2019 và kế hoạch quỹ lương và thù lao năm 2020. (TTr số 03/TTr-HĐQT ngày 24/4/2020). Thông qua Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020. (TT số 01/CTCN-BKS ngày 31/3/2020). Thông qua Tờ trình về việc miễn nhiệm thành viên HĐQT đối với Ông Nguyễn Trường Ảnh và Ông Thái Văn Thành. (TT số 04/TTr-HĐQT ngày 24/4/2020). Thông qua Tờ trình về việc bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2016-2021 đối với Ông Nguyễn Trường Ảnh (TT số 05/TTr- ngày 24/4/2020).

1.4 Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị đã thực hiện 34 (ba mươi bốn) cuộc họp Hội đồng quản trị. Tất cả các cuộc họp Hội đồng quản trị đều có sự tham dự của Ban Kiểm soát.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Nguyễn Trường Ảnh	Chủ tịch HĐQT đến hết tháng 01/2020 và nghỉ hưu theo chế độ	03/34	0,12%	
		Thành viên HĐQT từ ngày 24/4/2020	23/34	67,6%	
2	Ông Lê Đức Quý	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc đến tháng 02/2020	5/34	14,7%	

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
		Quyền Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc từ ngày 25/02/2020	29/34	85,3%	
3	Ông Đặng Thanh Bình	Phó Chủ tịch HĐQT	34/34	100%	
4	Ông Hồ Hương	Thành viên HĐQT/Tổng giám đốc	34/34	100%	
5	Ông Thái Văn Thành	Thành viên HĐQT	11/34	29,4%	Miễn nhiệm thành viên HĐQT từ ngày 24/4/2020
6	Ban kiểm soát		34/34	100%	

*** Về hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc (TGD):**

- + HĐQT giám sát và có ý kiến về các hoạt động của Công ty thông qua báo cáo của TGD và các đơn vị trực thuộc để HĐQT thông qua.
- + TGD, Ban điều hành đề xuất các phương án sản xuất kinh doanh trình HĐQT thông qua trước khi thực hiện.
- + HĐQT giám sát và có ý kiến chỉ đạo TGD, Ban điều hành thực hiện các phương án đã đề xuất.
- + HĐQT nghe TGD, Ban điều hành báo cáo kết quả thực hiện.

*** Về hoạt động của các tiểu ban thuộc HĐQT:**

Hiện nay, hoạt động quản lý và điều hành của Ban điều hành rất hiệu quả, đảm bảo các nhiệm vụ được HĐQT chỉ đạo thực hiện tốt, các thành viên của Ban điều hành là một trong các thành viên của các Ban chỉ đạo chống thất thu, Ban chỉ đạo chống thất thoát, Ban cố vấn trực thuộc HĐQT.

1.5 Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-HĐQT	16/01/2020	Thông qua việc vay vốn tại BIDV chi nhánh Đà Nẵng cho Công trình lắp đặt ống gang D600 DI đường Hồ Xuân Hương, D400 DI trên đường Võ Nguyên Giáp
2	02/ NQ-HĐQT	20/01/2020	Thông qua chủ trương trích Quỹ phát triển khoa học và công nghệ năm 2019.
3	03/NQ-HĐQT	31/01/2020	Miễn nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng
4	04/NQ-HĐQT	25/02/2020	Bầu tạm thời Chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng
5	05/NQ-HĐQT	03/03/2020	Thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020.
6	06/NQ-HĐQT	04/03/2020	Thông qua chủ trương đầu tư Dự án Nâng công suất Nhà máy nước Hồ Hòa Trung từ 10.000m ³ /ngày lên 20.000 m ³ /ngày.

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
7	07/NQ-HĐQT	05/03/2020	Thông qua việc vay vốn tại BIDV chi nhánh Đà Nẵng cho Công trình lắp đặt tuyến ống cấp nước D500 - D400 DI Võ Nguyên Giáp Hoàng Sa (Đoạn từ Hồ Xuân Hương đến Nguyễn Phan Vinh).
8	07A/NQ-HĐQT	16/03/2020	Thông qua chủ trương đầu tư các công trình tuyến ống Thăng Long - Hòa Liên.
9	08/NQ-HĐQT	16/04/2020	Thông qua việc vay vốn tại BIDV chi nhánh Đà Nẵng cho Công trình lắp đặt tuyến ống cấp nước D400 DI Võ Nguyên Giáp - Trường Sa (Đoạn từ Hồ Xuân Hương đến Võ Quý Huân).
10	09/NQ-HĐQT	01/06/2020	Thông qua việc vay vốn tại Quỹ đầu tư phát triển thành phố Đà Nẵng cho Dự án Nâng công suất Nhà máy nước Cầu Đỏ từ 230.000m ³ /ngày lên 290.000 m ³ /ngày.
11	10/NQ-HĐQT	25/06/2020	Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020.
12	11/NQ-HĐQT	11/07/2020	Thông qua việc vay vốn tại VCB chi nhánh Đà Nẵng cho Công trình tuyến ống D400DI đường Võ Nguyên Giáp - Trường Sa (Đoạn từ Hồ Xuân Hương đến Võ Quý Huân).
13	12/NQ-HĐQT	03/9/2020	Thông qua chi trả tạm ứng cổ tức đợt I năm 2020.
14	13/NQ-HĐQT	08/9/2020	Thông qua việc vay vốn tại VCB chi nhánh Đà Nẵng cho Công trình tuyến ống D1200, D1000, D800DI đường Thăng Long (đoạn từ Nhà máy nước Cầu Đỏ đến cầu Tiên Sơn).
15	14/NQ-HĐQT	19/10/2020	Thông qua chủ trương mua xe ô tô 7 chỗ phục vụ công tác cho văn phòng.
16	15/NQ-HĐQT	30/11/2020	Thông qua việc vay vốn tại Shinhan Việt Nam, chi nhánh Đà Nẵng cho Công trình tuyến ống D1200 DI, D800DI Hòa Liên (đoạn từ Nhà máy nước Hòa Liên đến đường số 2 KCN Hòa Khánh).
17	16/NQ-HĐQT	21/12/2020	Thông qua việc điều chỉnh biện pháp bảo đảm tiền vay tại Quỹ đầu tư phát triển thành phố Đà Nẵng cho Dự án Cải tạo trạm cấp nước Sơn Trà 1,2 và cải tạo tuyến ống D300 từ Trạm cấp nước Sơn Trà 1 ra khu dân cư đầu tuyến Sơn Trà-Điện Ngọc.

1.6 Các Quyết định của Hội đồng quản trị:

STT	Số QĐ	Ngày	Nội dung
1	01/QĐ-HĐQT	24/03/2020	Thành lập Ban tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020
2	02/QĐ-HĐQT	24/03/2020	Thành lập các tiểu ban giúp việc đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020
3	03/QĐ-HĐQT	02/06/2020	Xếp lương Chủ tịch HĐQT Công ty

STT	Số QĐ	Ngày	Nội dung
4	04/QĐ-HĐQT	14/07/2020	Thành lập Trung tâm quản lý và vận hành hệ thống cấp nước Dawaco
5	05/QĐ-HĐQT	14/07/2020	Thành lập Trung tâm phân tích kiểm nghiệm Lab Dawaco
6	06/QĐ-HĐQT	14/07/2020	Chuyển giao nhiệm vụ quản lý, vận hành NMN Hải Vân cho XNCN Liên Chiểu
7	07/QĐ-HĐQT	14/07/2020	Chuyển giao nhiệm vụ quản lý, vận hành Trạm cấp nước Sơn Trà cho XNCN Sơn Trà
8	08/QĐ-HĐQT	15/09/2020	Ban hành Quy chế trả lương cho Người lao động
9	09/QĐ-HĐQT	26/11/2020	Ban hành Cơ chế khuyến khích Người lao động nghỉ trước tuổi

Nhìn chung, các thành viên HĐQT đã tham dự cơ bản đầy đủ các buổi họp, có những ý kiến đóng góp tích cực, sát thực tiễn và đồng thuận cao theo thẩm quyền với định hướng vì mục tiêu chung xây dựng, phát triển Công ty đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả cao, hạn chế các rủi ro, sai sót, bảo toàn được vốn chủ sở hữu và có lợi nhuận tăng trưởng hàng năm.

Về thực hiện Nghị quyết số 12/NQ-HĐQT ngày 03/9/2020 của Hội đồng quản trị, Công ty đã phân phối lợi nhuận và tạm ứng cổ tức đợt 1 cho cổ đông là 9% đúng thời hạn và chi chế độ thù lao cho HĐQT và Ban điều hành đúng theo nội dung đã được thông qua trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020.

2. Ban Kiểm soát

2.1 Danh sách thành viên Ban Kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Nguyễn Thị Thu Hà	Trưởng ban kiểm soát
2	Võ Thị Hòa	Thành viên BKS
3	Phạm Thị Quế Chi	Thành viên BKS

2.2 Lý lịch thành viên Ban Kiểm soát

❖ NGUYỄN THỊ THU HÀ – Trưởng Ban kiểm soát

Họ và tên : Nguyễn Thị Thu Hà

Ngày sinh : 18/01/1973 Giới tính : Nữ

Dân tộc : Kinh Quốc tịch : Việt Nam

Quê quán : Quế Phú - Quế Sơn - Quảng Nam

Nơi ở hiện tại: 86/2 Đống Đa, P. Thuận Phước, Q.Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Trình độ:

+ Văn hóa : 12/12

+ Chuyên môn : Cử nhân Kinh tế

Chức vụ hiện nay tại công ty: Trưởng Ban kiểm soát

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không



Quá trình công tác:

1973 - 1991	Còn nhỏ ở với gia đình, đi học và tốt nghiệp PTTH.
1991 - 1995	Học và tốt nghiệp Đại học Kinh tế.
10/1995 - 2/2006	Chuyên viên kinh doanh, Công ty CP Hóa dầu Petrolimex CN Đà Nẵng.
3/2006 - 5/2011	Phụ trách kế toán, Công ty CP Nhựa đường Petrolimex CN Đà Nẵng.
6/2011 - 9/2016	Trưởng phòng Kế toán tổng hợp, Công ty Hóa dầu Quân đội, CN Đà Nẵng.
10/2016	Giám đốc Ban tài chính tại Công ty CP Đầu tư Đà Nẵng - Miền Trung.
11/2016 - nay	Trưởng ban Kiểm soát Công ty cổ phần Cấp nước Đà Nẵng.

❖ PHẠM THỊ QUẾ CHI - Kiểm soát viên

Họ và tên : Phạm Thị Quế Chi

Ngày sinh : 16/12/1977 Giới tính : Nữ

Dân tộc : Kinh Quốc tịch : Việt Nam

Quê quán : Hòa Quý - Ngũ Hành Sơn - Đà Nẵng

Nơi ở hiện tại: 52/14b Phan Thanh, P. Thạc Gián, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng

Trình độ:

+ Văn hóa : 12/12

+ Chuyên môn : Cử nhân Kinh tế

Chức vụ hiện nay tại công ty: Kiểm soát viên kiêm Quyền Giám đốc Ban Hành chính – Nhân sự

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Quá trình công tác:

1977 - 1995	Còn nhỏ ở với gia đình, đi học và tốt nghiệp PTTH.
1996 - 9/2014	Làm việc tại Phòng Kế toán, Công ty TNHH MTV Cấp nước ĐN.
10/2014 - 10/2016	Phó Phòng Kế toán – Tài chính, Công ty TNHH MTV Cấp nước ĐN.
11/2016 - 06/2017	Kiểm soát viên kiêm Phó phòng Kế toán tài chính Công ty cổ phần Cấp nước ĐN.
01/07/2017 - 2019	Kiểm soát viên Công ty cổ phần Cấp nước Đà Nẵng
2019 - nay	Kiểm soát viên kiêm Quyền Giám đốc Ban Hành chính – Nhân sự Công ty cổ phần Cấp nước Đà Nẵng

❖ VÕ THỊ HÒA - Kiểm soát viên

Họ và tên : Võ Thị Hòa

Ngày sinh : 21/3/1976 Giới tính : Nữ

Dân tộc : Kinh Quốc tịch : Việt Nam

Quê quán : Xã Phổ Cường, Huyện Đức Phổ, Tỉnh Quảng Ngãi

Nơi ở hiện tại: 48 đường Thanh Sơn, phường Thanh Bình, thành phố Đà Nẵng

Trình độ:

- + Văn hóa : 12/12
- + Chuyên môn : Thạc sĩ kinh tế

Chức vụ hiện nay tại công ty: Kiểm soát viên không chuyên trách

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Trưởng phòng Tài chính Doanh nghiệp – Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng

Quá trình công tác:

11/1997 - 8/1998	Chuyên viên Thanh tra Tài chính - Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng
9/1998 - 5/2003	Chuyên viên Phòng Quản lý Công sản - Sở Tài chính Tp. Đà Nẵng
6/2003 - 3/2010	Chuyên viên phòng Quản lý ngân sách - Sở Tài chính Tp. Đà Nẵng
4/2010 - 6/2015	Phó trưởng phòng Tài chính Hành chính sự nghiệp - Sở Tài chính Tp. Đà Nẵng – Ủy viên BCH Đảng bộ Sở Tài chính- Bí thư Chi bộ Tài chính HCSN - Ủy viên BCH Công đoàn – Trưởng Ban nữ công
7/2015 - nay	Trưởng phòng Tài chính Doanh nghiệp- Sở Tài chính Tp. Đà Nẵng – UVBCH Đảng bộ Sở Tài chính - Bí thư Chi bộ Tài chính Doanh nghiệp
4/2018- nay	Kiểm soát viên không chuyên trách Công ty CP Cấp nước Đà Nẵng

2.3. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban điều hành và cổ đông:

Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, các cuộc họp giao ban. Tham gia ý kiến với những nội dung về công tác sản xuất kinh doanh như: quản lý vật tư hàng tồn kho, đẩy nhanh quyết toán các công trình XD CB, xây dựng phương án trả lương cho người lao động...

Giám sát hoạt động của HĐQT, giám sát việc quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban TGD theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty.

Ban Kiểm soát đã kiểm tra các văn bản nội bộ của HĐQT, Ban TGD ban hành trong quá trình quản trị Công ty nhằm đảm bảo xây dựng các định hướng và chủ trương điều hành Công ty tuân thủ pháp luật và phù hợp với chủ trương của Đại hội Cổ đông.

BKS đã thẩm định Báo cáo tài chính năm 2020, Báo cáo tài chính bán niên đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt là đơn vị được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán các công ty niêm yết.

2.4. Sự phối hợp giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác:

BKS thường xuyên trao đổi HĐQT, Ban điều hành và các Giám đốc, Phó Giám đốc ban trong Công ty để đề ra các giải pháp cụ thể, thiết thực trong việc thực hiện các nhiệm vụ SXKD của Công ty nhằm đạt các chỉ tiêu mà Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết thông qua.

Giám sát việc thực thi công bố thông tin của Công ty theo quy định của Luật Chứng khoán, xem xét tính minh bạch của quá trình công bố thông tin để đảm bảo quyền lợi của các cổ đông.

2.5. Đào tạo về quản trị công ty:

Năm 2020, do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn ra 2 đợt nên các hoạt động về đào tạo cho các thành viên HĐQT, Ban điều hành, Kế toán trưởng, Thư ký HĐQT chưa được thực hiện.

3. Các giao dịch và việc thực hiện các quy định về quản trị công ty của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

- ❖ **Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:** không có
- ❖ **Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:** không có
- ❖ **Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:**

Việc quản trị Công ty luôn được đảm bảo theo đúng Pháp luật, Điều lệ, quy chế quản trị, các quy chế nội bộ và các tiêu chí nhằm đảm bảo được hoạt động của Công ty một cách suôn sẻ nhất; theo đuổi các mục tiêu vì lợi ích của công ty và của các cổ đông, cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát hoạt động của công ty một cách hiệu quả, từ đó khuyến khích công ty sử dụng các nguồn lực một cách tốt nhất. Trong năm 2017, với việc ban hành nghị định 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng của Chính phủ có hiệu lực từ ngày 01 tháng 08 năm 2017, Công ty đã có những thay đổi trong điều lệ cũng như các chính sách, tổ chức nguồn nhân lực nhằm đảm bảo việc quản trị Công ty luôn được theo đúng Pháp luật. Ngoài ra, Công ty luôn tăng cường kiến thức quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc thông qua việc cử các cán bộ đi đào tạo theo thông báo của UBCKNN, các cơ quan liên quan và các lớp học quản trị công ty. Từ đó, nâng cao hiệu quả kinh doanh, nâng cao khả năng tiếp cận nguồn vốn, giảm chi phí vốn cũng như tạo dựng lòng tin đối với cổ đông, nhà đầu tư.



.... BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**®)

Công ty thành viên của JPA International

Địa chỉ đăng ký : 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM

Chi nhánh Đà Nẵng : 63/5 Trần Quốc Toản, Phường Phước Ninh,

Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Email : contact@vietvalues.com

Website : www.vietvalues.com



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH

KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc	02 - 05
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	06 - 07
3. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	08 - 09
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020	11
6. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020	12 – 42

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng và Công ty con là Công ty TNHH MTV Xây lắp Cấp thoát nước Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Tập đoàn”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán.

1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước Đà Nẵng theo Quyết định số 5354/QĐ-UBND ngày 09/08/2016 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Đà Nẵng. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400101066 ngày 01/07/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp này đã được điều chỉnh 8 lần và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 01/11/2016), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được chấp thuận giao dịch cổ phiếu phổ thông tại sàn Upcom của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 509/QĐ-SGDHN ngày 07/07/2017 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán DNN. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 17/07/2017.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 579.640.610.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2020: 579.640.610.000 đồng.

Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ, 01 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ.

Công ty con được hợp nhất

Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chủ yếu	Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ	Quyền biểu quyết của Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Xây Lắp Cấp Thoát Nước Đà Nẵng	10 Trịnh Công Sơn, Phường Hoà Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước	100,00%	100,00%

2. Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Số 57 Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.
- Điện thoại : (84) 236.3697333
- Fax : (84) 236.3697222
- Email : Dawaco@vnn.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG

Số 57 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

3. Ngành nghề kinh doanh

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất và các nhu cầu khác;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Lập dự án đầu tư xây dựng. Tư vấn, thiết kế và lập tổng dự toán các hệ thống công trình cấp thoát nước có quy mô vừa và nhỏ. Khảo sát địa hình, địa chất, thăm tra hồ sơ thiết kế dự toán, giám sát thi công, quản lý đầu tư xây dựng các công trình cấp thoát nước từ nhóm B trở xuống;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông, cầu đường, thủy lợi, cấp thoát nước, công trình điện đến 35 KV;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: kiểm định, cân đo đồng hồ nước;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh nước uống đóng chai;
- Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí. Chi tiết: Lắp đặt xây dựng công trình cấp nước;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn vật tư, thiết bị chuyên ngành xây dựng cấp thoát nước.

4. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

4.1 Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Đức Quý	Chủ tịch	25/02/2020	
	Thành viên	29/10/2016	25/02/2020
Ông Nguyễn Trường Ảnh	Chủ tịch	29/10/2016	01/02/2020
	Thành viên	03/03/2020	
Ông Đặng Thanh Bình	Thành viên	29/10/2016	
Ông Hồ Hương	Thành viên	29/10/2016	
Ông Thái Văn Thành	Thành viên	29/10/2016	03/03/2020

4.2. Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Trưởng ban	29/10/2016	
Bà Phạm Thị Quế Chi	Thành viên	29/10/2016	
Bà Võ Thị Hòa	Thành viên	29/10/2016	

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG

Số 57 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

4.3. Ban Điều hành

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Hồ Hương	Tổng Giám đốc	01/11/2016	
Ông Lê Đức Quý	Phó Tổng Giám đốc	01/11/2016	
Ông Trần Phước Thương	Phó Tổng Giám đốc	01/11/2016	
Ông Hồ Minh Nam	Phó Tổng Giám đốc	01/11/2016	
Ông Phan Thịnh	Kế toán trưởng	01/11/2016	

5. Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Hồ Hương	Tổng Giám đốc	01/11/2016	

6. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ trang 8 đến trang 42.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

8. Kiểm toán viên

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Tập đoàn. Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES** bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Tập đoàn.

9. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyên tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, tình hình hoạt động hợp nhất của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

10. **Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất**

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



HỒ HƯƠNG
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 03 năm 2021



Số: 17/2021/BCKT/AUD-DNVVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng và Công ty con (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn"), được lập ngày 24 tháng 03 năm 2021, từ trang 08 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại điểm (i), Thuyết minh số V.8b, Tập đoàn phân bổ khoản lỗ do chênh lệch tỷ giá phát sinh năm 2006 từ khoản vay ODA của Pháp với kỳ hạn 10 năm (kể từ năm 2013) theo hướng dẫn tại Công văn số 2292/UBND-KTTH ngày 31/03/2015 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Đà Nẵng. Theo đó, lũy kế số đã phân bổ vào chi phí tài chính từ các năm 2013 đến năm 2020 là 31.558.199.072 đồng;

Số còn lại hiện đang theo dõi ở khoản mục “Chi phí trả trước dài hạn” là 7.889.549.763 đồng. Việc hạch toán chênh lệch tỷ giá như trên là chưa phù hợp với quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Nếu ghi nhận theo đúng quy định của Chuẩn mực thì các khoản lỗ phát sinh từ chênh lệch tỷ giá cần được hạch toán vào chi phí của các niên độ kế toán liên quan và khoản mục chi phí tài chính trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2020 sẽ giảm xuống tương ứng là 3.944.774.884 đồng và lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2020 sẽ tăng lên 3.155.819.907 đồng, đồng thời có thể ảnh hưởng (nếu có) đến một số chỉ tiêu của báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất.

Ý kiến Kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng (nếu có) của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ” báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác với ý kiến kiểm toán ngoại trừ về việc ghi nhận khoản lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh năm 2006 đang phản ánh trên khoản mục chi phí trả trước tại ngày 31/12/2019 được thể hiện tại Báo cáo kiểm toán độc lập số 317/2020/BCKT-AAC ngày 16/03/2020. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ này (tại đoạn Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ) vẫn còn ảnh hưởng đến số liệu so sánh của Báo cáo tài chính hợp nhất năm nay.

TP. Đà Nẵng, ngày 24 tháng 03 năm 2021

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng- **VIETVALUES**



Lê Thị Thanh Kim - Giám đốc Chi nhánh

Giấy CNDKHN số: 2896-2019-071-1

Chữ ký được ủy quyền

Trần Xuân Thanh - Kiểm toán viên

Giấy CNDKHN số: 1650-2018-071-1

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

ĐVT: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		652.367.201.186	626.479.596.975
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	14.780.871.526	11.935.899.789
111	1. Tiền		14.780.871.526	11.935.899.789
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		471.329.066.135	543.727.662.898
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	-
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2	471.329.066.135	543.727.662.898
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		54.065.787.230	26.250.873.394
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	16.213.942.961	12.895.038.177
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	24.394.889.597	1.966.001.335
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.5a	20.584.625.437	17.233.040.732
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.6	(7.127.670.765)	(5.843.206.850)
140	IV. Hàng tồn kho	V.7	91.809.302.077	26.640.162.388
141	1. Hàng tồn kho		91.809.302.077	26.640.162.388
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		20.382.174.218	17.924.998.506
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.8a	146.034.397	-
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	V.14	20.225.556.962	16.555.604.371
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.14	10.582.859	1.369.394.135
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		646.020.198.202	589.002.200.100
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		100.000.000	-
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng		-	-
216	2. Phải thu dài hạn khác	V.5b	100.000.000	-
220	II. Tài sản cố định		423.714.530.176	451.519.836.050
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.9	423.026.373.928	450.877.410.706
222	- Nguyên giá		1.647.504.461.322	1.608.540.439.750
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.224.478.087.394)	(1.157.663.029.044)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.10	688.156.248	642.425.344
228	- Nguyên giá		8.961.375.951	8.427.075.951
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(8.273.219.703)	(7.784.650.607)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		195.147.994.896	113.491.114.147
241	1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn		-	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.11	195.147.994.896	113.491.114.147
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		27.057.673.130	23.991.249.903
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.8b	27.057.673.130	23.991.249.903
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.298.387.399.388	1.215.481.797.075

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG

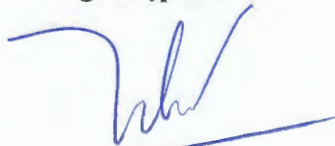
Địa chỉ: Số 57 Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		570.763.256.359	490.585.514.916
310	I. Nợ ngắn hạn		186.683.722.370	169.672.283.171
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.12	31.227.613.379	17.008.813.139
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.13	1.041.688.330	939.160.070
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.14	10.733.865.928	17.259.119.544
314	4. Phải trả người lao động	V.15	23.107.492.825	26.190.943.329
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.16	1.011.955.129	739.240.659
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.17a	90.325.435.956	83.545.296.247
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.18a	23.949.280.625	18.718.988.375
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.19	5.286.390.198	5.270.721.808
330	II. Nợ dài hạn		384.079.533.989	320.913.231.745
337	1. Phải trả dài hạn khác	V.17b	149.482.704.224	165.242.975.956
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.18b	222.843.250.908	142.185.382.392
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		171.715.275	180.379.877
343	4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		11.581.863.582	13.304.493.520
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		727.624.143.029	724.896.282.159
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.20	726.087.798.626	723.120.507.459
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		579.640.610.000	579.640.610.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		579.640.610.000	579.640.610.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		8.993.538.265	8.993.538.265
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		59.152.916.904	20.332.152.122
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		78.300.733.457	114.154.207.072
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		1.914.357.020	2.681.972.936
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		76.386.376.437	111.472.234.136
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		1.536.344.403	1.775.774.700
431	1. Nguồn kinh phí		-	-
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		1.536.344.403	1.775.774.700
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.298.387.399.388	1.215.481.797.075

Người lập biểu



PHẠM HỒNG MINH

Kế toán trưởng



PHAN THỊNH



Đà Nẵng, ngày 24 tháng 03 năm 2021

Tổng Giám Đốc

HỒ HƯƠNG

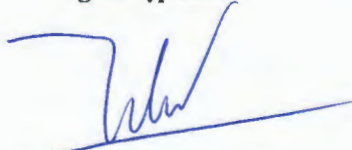
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	491.314.677.663	547.585.951.279
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		491.314.677.663	547.585.951.279
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	258.615.277.921	279.216.752.021
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		232.699.399.742	268.369.199.258
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	29.458.991.777	31.074.204.666
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	10.726.908.053	5.637.725.801
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		6.419.322.254	1.603.031.099
24	8. Phần lỗ hoặc lãi trong công ty liên doanh, liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng	VI.5	42.541.718.592	49.105.581.089
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	53.781.952.918	48.567.256.048
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		155.107.811.956	196.132.840.986
31	12. Thu nhập khác	VI.7	5.682.626.990	9.581.131.509
32	13. Chi phí khác	VI.8	29.874.953	837.636.354
40	14. Lợi nhuận khác		5.652.752.037	8.743.495.155
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		160.760.563.993	204.876.336.141
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.14	32.215.197.258	41.056.067.228
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	V.14	(8.664.602)	180.379.877
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		128.554.031.337	163.639.889.036
61	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		128.554.031.337	163.639.889.036
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		-	-
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.8	2.218	2.626
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.9	2.218	2.626

Người lập biểu



PHẠM HỒNG MINH

Kế toán trưởng



PHAN THỊNH



HỒ HƯƠNG

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 03 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Số 57 Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

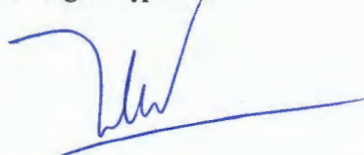
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

ĐVT: VNĐ

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		160.760.563.993	204.876.336.141
02	2. Điều chỉnh cho các khoản			
03	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	V.9, V.11	67.756.828.234	91.299.160.396
04	- Các khoản dự phòng		1.284.463.915	(906.047.804)
05	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		62.428.580	(51.531.768)
06	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	VI.3	(29.158.609.442)	(31.266.120.829)
07	- Chi phí lãi vay	VI.4	6.419.322.254	1.603.031.099
08	- Các khoản điều chỉnh khác		-	2.224.225.300
09	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		207.124.997.534	267.779.052.535
10	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(31.499.936.207)	(9.002.564.874)
11	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(65.169.139.689)	10.942.676.572
12	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		83.557.381.345	12.231.937.792
13	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(3.212.457.624)	5.198.909.006
14	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh			
15	- Tiền lãi vay đã trả		(6.344.681.197)	(1.594.290.394)
16	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.14	(37.661.238.656)	(40.975.179.690)
17	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
18	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(11.381.871.610)	(13.465.074.581)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		135.413.053.896	231.115.466.366
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(205.753.402.802)	(203.647.965.305)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	435.636.365
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(241.039.612.578)	(314.952.037.605)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		313.438.209.341	273.640.997.297
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		29.158.609.442	28.485.553.478
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(104.196.196.597)	(216.037.815.770)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay	VII.1	105.736.021.620	96.790.599.266
34	2. Tiền trả nợ gốc vay	VII.2	(19.917.986.765)	(7.085.221.381)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	V.20	(114.189.200.170)	(149.547.277.380)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(28.371.165.315)	(59.841.899.495)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		2.845.691.984	(44.764.248.899)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		11.935.899.789	56.700.700.837
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(720.247)	(552.149)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	14.780.871.526	11.935.899.789

Người lập biểu



PHẠM HỒNG MINH

Kế toán trưởng



PHAN THỊNH



Đà Nẵng, ngày 24 tháng 03 năm 2021

Tổng Giám Đốc

HỒ HƯƠNG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ là Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng và Công ty con là Công ty TNHH MTV Xây lắp Cấp thoát nước Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước Đà Nẵng theo Quyết định số 5354/QĐ-UBND ngày 09/08/2016 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Đà Nẵng. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400101066 ngày 01/07/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp này đã được điều chỉnh 8 lần và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 01/11/2016), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được chấp thuận giao dịch cổ phiếu phổ thông tại sàn Upcom của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 509/QĐ-SGDHN ngày 07/07/2017 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán DNN. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 17/07/2017.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn kinh doanh trong nhiều lĩnh vực sản xuất và kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt.

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Tập đoàn là:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất và các nhu cầu khác;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Lập dự án đầu tư xây dựng. Tư vấn, thiết kế và lập tổng dự toán các hệ thống công trình cấp thoát nước có quy mô vừa và nhỏ. Khảo sát địa hình, địa chất, thăm tra hồ sơ thiết kế dự toán, giám sát thi công, quản lý đầu tư xây dựng các công trình cấp thoát nước từ nhóm B trở xuống;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: kiểm định, cân đo đồng hồ nước;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh nước uống đóng chai;
- Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí. Chi tiết: Lắp đặt xây dựng công trình cấp nước;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn vật tư, thiết bị chuyên ngành xây dựng cấp thoát nước.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG

Số 57 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường đối với các hoạt động của Tập đoàn thường kéo dài không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Do năm 2020 dịch bệnh Covid19 diễn ra trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, theo đó một số khách hàng là các nhà hàng, khách sạn và các cơ quan đơn vị trên địa bàn thành phố Đà Nẵng có sản lượng tiêu thụ nước sạch sụt giảm làm cho doanh thu ngành nước năm 2020 giảm so với năm 2019 khoảng 10,5%, theo đó lãi gộp ngành nước giảm khoảng 14,3%. Do tình hình dịch bệnh đang tiếp tục diễn ra nên khả năng năm 2021 doanh thu ngành nước có thể tiếp tục sụt giảm so với năm 2020. Tuy nhiên, nhìn chung mức độ ảnh hưởng của dịch bệnh đến kết quả kinh doanh của công ty là không đáng kể so với các lĩnh vực khác trên địa bàn.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện nào khác về môi trường pháp lý, diễn biến thị trường, đặc điểm hoạt động kinh doanh, quản lý, tài chính, các sự kiện sáp nhập, chia, tách, thay đổi qui mô... có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn trong năm.

6. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 01 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ.

Số lượng Công ty con được hợp nhất: 01 Công ty

Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chủ yếu	Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ	Quyền biểu quyết của Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Xây Lắp Cấp Thoát Nước Đà Nẵng	10 Trịnh Công Sơn, Phường Hoà Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước	100,00%	100,00%

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn có 546 nhân viên đang làm việc. (Tại ngày 31/12/2019 là 567 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG

Số 57 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Theo đó, bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Hợp nhất với Công ty con

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 bao gồm Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng và 01 Công ty con là Công ty TNHH MTV Xây lắp Cấp thoát nước Đà Nẵng. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG

Số 57 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty mẹ và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG

Số 57 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 24 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

Chênh lệch tỷ giá

Chênh lệch tỷ giá phát sinh năm 2006 từ khoản vay ODA của Pháp để thực hiện các dự án cải tạo hệ thống cấp nước Thành phố Đà Nẵng giai đoạn IIIa và dự án cải tạo, mở rộng Nhà máy nước sân bay Đà Nẵng giai đoạn IIIb với tổng số tiền 39.447.748.835 đồng. Theo Công văn số 2292/UBND-KTTH ngày 31/03/2015 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Đà Nẵng, Công ty thực hiện phân bổ vào chi phí trong 10 năm (kể từ năm 2013).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG

Số 57 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tập đoàn khấu hao theo Thông tư 45/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2014 của Bộ Tài chính, số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25
Máy móc thiết bị	06 – 15
Phương tiện vận tải	05 – 15
Thiết bị dụng cụ quản lý	04 – 10
Tài sản cố định hữu hình khác	06 - 12

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 - 10 năm.

9. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG

Số 57 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng không quá 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong năm là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG

Số 57 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Tập đoàn.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG

Số 57 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

14. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm/kỳ trước, đến năm nay/kỳ này mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của kỳ sau.

15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán.

16. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm các khoản chi phí hoặc lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỉ giá hối đoái

17. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG

Số 57 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

20. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không qui định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng mà Công ty giao dịch thanh toán.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng mà Công ty giao dịch thanh toán.

Tỷ giá mua chuyển khoản của các ngân hàng mà Công ty giao dịch tại 31/12/2020 như sau:

**Mua chuyển khoản
VND/USD**

TMCP Ngoại Thương VN - CN Đà Nẵng- USD

23.035

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG

Số 57 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**21. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (đơn vị tính: VNĐ)**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2020	01/01/2020
Tiền mặt	18.656.935	12.115.580
Tiền gửi ngân hàng	14.762.214.591	11.923.784.209
Cộng	14.780.871.526	11.935.899.789

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi kỳ hạn trên 3 tháng đến 1 năm	471.329.066.135	471.329.066.135	543.727.662.898	543.727.662.898
Cộng	471.329.066.135	471.329.066.135	543.727.662.898	543.727.662.898

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG

Số 57 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng ngắn hạn**

	31/12/2020	01/01/2020
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	16.213.942.961	12.895.038.177
- Công ty TNHH BT Ngã Ba Huế Trung Nam	4.237.291.000	4.237.291.000
- Các khách hàng khác	11.976.651.961	8.657.747.177
Cộng	16.213.942.961	12.895.038.177

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	24.394.889.597	1.966.001.335
- Chi nhánh Công ty CP chế tạo bơm Hải Dương tại Hà Nội	-	240.138.800
- Công ty CP Thiết bị Đông Đô	11.177.287.825	-
- Công ty TNHH Cơ điện Hawaco	9.063.946.173	-
- Công ty TNHH Ngân Hiếu Đạt	120.000.000	-
- Các đối tượng người bán khác	4.033.655.599	1.725.862.535
Cộng	24.394.889.597	1.966.001.335

5. Phải thu khác**5a. Ngắn hạn**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	8.715.693.881	-	13.488.220.067	-
- Lãi dự thu	7.906.617.881	-	13.107.973.675	-
- Tạm ứng	809.076.000	-	380.246.392	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	9.877.778.686	-	1.756.526.422	-
- Phải thu khác	1.991.152.870	-	1.988.294.243	-
Cộng	20.584.625.437	-	17.233.040.732	-

Ký quỹ, ký cược ngắn hạn là các khoản đặt cọc hoàn trả mặt bằng thi công công trình theo giấy phép do sở GTVT Thành phố Đà Nẵng cấp phép cho thi công.

5b. Dài hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Ký quỹ, ký cược	100.000.000	-	-	-
Cộng	100.000.000	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG

Số 57 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	31/12/2020	01/01/2020
Dự phòng nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	6.290.122.353	2.813.080.768
Dự phòng nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	240.885.649	2.708.426.665
Dự phòng nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	187.266.042	226.398.626
Dự phòng nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	409.396.721	95.300.791
Số cuối năm	7.127.670.765	5.843.206.850

Biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	5.843.206.850	6.749.254.654
Tăng trong năm	1.284.463.915	-
Giảm trong năm	-	(906.047.804)
Số cuối năm	7.127.670.765	5.843.206.850

7. Hàng tồn kho

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	87.346.545.876	-	23.521.137.150	-
Công cụ, dụng cụ	326.748.871	-	339.247.188	-
Chi phí SXKD dở dang	4.136.007.330	-	2.777.773.339	-
Thành phẩm	-	-	2.004.711	-
Cộng	91.809.302.077	-	26.640.162.388	-

- Nguyên vật liệu là các loại vật liệu thuộc ngành nước như ống nước, đồng hồ, mặt bích, van nước, vòi nước, máy bơm, roăng cao su các loại, hóa chất xử lý nước...; các vật liệu dùng cho hoạt động xây lắp như sắt, thép, cát; nhiên liệu dùng cho xe máy như xăng, dầu, nhớt và một số vật liệu khác. Cuối năm nay nguyên liệu, vật liệu tồn kho tăng là do Công ty mua vật liệu về nhưng chưa đưa vào thi công các dự án của Công ty đang thực hiện.
- Công cụ dụng cụ là các loại bảo hộ lao động, dụng cụ vệ sinh
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là giá trị chi phí các công trình xây dựng dở dang tại 31/12/2020 chưa được nghiệm thu thanh toán.
- Thành phẩm là nước uống đóng chai.
- Cuối kỳ, Tập đoàn không có hàng tồn kho kém mất phẩm chất, ứ đọng tại ngày 31/12/2020
- Tập đoàn không có hàng tồn kho thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 31/12/2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG
Số 57 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	27.114.607	-
Chi phí bảo hiểm	115.011.040	-
Phí bảo trì phần mềm	3.908.750	-
Cộng	<u>146.034.397</u>	<u>-</u>

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
Chênh lệch tỷ giá của khoản vay vốn ODA (i)	7.889.549.763	11.834.324.645
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	13.955.201.954	4.598.036.402
Chi phí lắp đặt ống nhánh	5.122.163.790	7.558.888.856
Phần mềm kế toán	17.789.881	-
Phí kiểm định đồng hồ	72.967.742	-
Cộng	<u>27.057.673.130</u>	<u>23.991.249.903</u>

(i) Đây là chênh lệch tỷ giá phát sinh năm 2006 từ khoản vay ODA của Pháp để thực hiện các dự án cải tạo hệ thống cấp nước Thành phố Đà Nẵng giai đoạn IIIa và dự án cải tạo, mở rộng Nhà máy nước sân bay Đà Nẵng giai đoạn IIIb với tổng số tiền 39.447.748.835 đồng. Theo Công văn số 2292/UBND-KTTH ngày 31/03/2015 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Đà Nẵng, Công ty thực hiện phân bổ vào chi phí trong 10 năm (kể từ năm 2013). Theo đó, lũy kế số đã phân bổ vào chi phí tài chính từ các năm 2013 đến năm 2020 là 31.558.199.072 đồng; Số còn lại hiện đang theo dõi ở khoản mục “Chi phí trả trước dài hạn” 7.889.549.763 đồng.

Tình hình biến động chi phí trả trước trong năm

a. Ngắn hạn

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số dư đầu năm	-	11.191.064
Tăng trong năm	370.417.667	-
Phân bổ trong năm	(224.383.270)	(11.191.064)
Số dư cuối năm	<u>146.034.397</u>	<u>-</u>

b. Dài hạn

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số dư đầu năm	23.991.249.903	29.178.967.845
Tăng trong năm	25.699.650.489	18.726.222.451
Phân bổ trong năm	(22.633.227.262)	(23.913.940.393)
Số dư cuối năm	<u>27.057.673.130</u>	<u>23.991.249.903</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG
Số 57 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, Vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiền vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	167.230.781.829	110.738.121.808	1.323.835.004.934	6.202.866.224	533.664.955	1.608.540.439.750
Phân loại lại		1.917.390.081	(1.917.390.081)			
Tăng trong năm	1.407.853.713	9.584.587.574	28.226.226.779	111.643.446	193.341.716	39.523.653.228
Giảm trong năm		(85.940.387)	(473.691.269)			(559.631.656)
Số cuối năm	168.638.635.542	122.154.159.076	1.349.670.150.363	6.314.509.670	727.006.671	1.647.504.461.322
Khấu hao						
Số đầu năm	124.388.705.373	41.976.364.646	986.694.678.836	4.403.906.020	199.374.169	1.157.663.029.044
Phân loại lại		178.013.952	(178.013.952)			
KH trong năm	10.407.791.452	11.409.881.940	44.924.408.074	442.733.608	83.444.064	67.268.259.138
Giảm trong năm		(50.983.480)	(402.217.308)			(453.200.788)
Số cuối năm	134.796.496.825	53.513.277.058	1.031.038.855.650	4.846.639.628	282.818.233	1.224.478.087.394
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	42.842.076.456	68.761.757.162	337.140.326.098	1.798.960.204	334.290.786	450.877.410.706
Số cuối năm	33.842.138.717	68.640.882.018	318.631.294.713	1.467.870.042	444.188.438	423.026.373.928

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là 790.284.388.527 đồng.

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết chờ thanh lý tại ngày 31/12/2020 là 0 đồng.

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đang cầm cố, thế chấp các khoản nợ vay tại 31/12/2020 là 206.010.500.556 đồng (xem tại thuyết minh số V.18).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG

Số 57 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**10. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm kê toán	Phần mềm quản lý	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	54.000.000	8.373.075.951	8.427.075.951
Tăng trong năm	-	534.300.000	534.300.000
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	54.000.000	8.907.375.951	8.961.375.951
Khấu hao			
Số đầu năm	54.000.000	7.730.650.607	7.784.650.607
KH trong năm	-	488.569.096	488.569.096
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối kỳ	54.000.000	8.219.219.703	8.273.219.703
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	-	642.425.344	642.425.344
Số cuối năm	-	688.156.248	688.156.248

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là 7.620.575.951 đồng.

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đang cầm cố, thế chấp các khoản nợ vay tại 31/12/2020 là 0 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG

Số 57 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2020	01/01/2020
- Trạm bơm dâng và tuyến ống nước sách NMN Cầu Đò	6.216.490.167	5.968.691.910
- Tuyến ống D800DI đường số 2 KCN Hòa Khánh	10.590.906.176	10.541.050.999
- Tuyến ống D1200 siphong phòng mặn qua Cầu Đò (*)	5.921.295.033	5.664.888.146
- Lắp đặt bộ sung ống thu nước sau bể lọc, bể lắng cụm xử lý 120.000 m3	2.203.464.232	2.203.464.232
- Đầu nối ống cấp nước D500 bờ tây cầu Tuyên Sơn vào tuyến ống D800DI đường Thăng Long và lắp đặt đồng hồ điện tử D800 bờ đông cầu Tuyên Sơn	2.591.363.339	2.459.656.942
- Đầu nối D800 Diuke qua Sông Hàn	-	2.666.620.188
- Đầu nối D800 Diuke qua Sông Hàn (phần trên cạn Dawaco thi công)	4.681.250.648	-
- Dự án Nâng CS Nhà máy nước Cầu Đò thêm 120.000 m3/ngày, phân kỳ 1 (*)	7.479.557.520	6.671.498.687
- Dự án Nâng CS Nhà máy nước Cầu Đò thêm 120.000 m3/ngày, phân kỳ 2 (*)	10.699.482.996	-
- Dự án Nhà máy nước Hồ Hòa Trung 10.000 m3/ngày (*)	41.303.079.013	25.793.799.478
- Lắp đặt hệ thống tự động hóa NMN Cầu Đò	-	6.073.000.000
- Nâng công suất trạm bơm phòng mặn An Trạch từ 210.000 m3/ngày lên 420.000 m3/ngày	1.679.346.963	-
- Dự án MR HTCN thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2012 - 2018 (*)	24.025.456.247	-
- Lắp đặt tuyến ống D500 & D400 DI đường Võ Nguyên Giáp - Hoàng Sa (đoạn từ đường Hồ Xuân Hương - Nguyễn Phan Vinh)	28.912.214.540	-
- Lắp đặt tuyến ống D500 & D400 DI đường Võ Nguyên Giáp - Hoàng Sa (đoạn từ đường Hồ Xuân Hương - Võ Quý Huân)	7.555.300.082	-
- Tuyến ống CN đường Thăng Long (đoạn từ NMN Cầu Đò đến cầu Tuyên Sơn) D1200, D100	10.186.809.550	-
- Tuyến ống DN 600 Hồ Xuân Hương	4.339.512.009	1.526.812.243
- Các công trình khác	26.762.466.381	43.921.631.322
Cộng	195.147.994.896	113.491.114.147

Giá trị chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang đang dùng cầm cố thế chấp các khoản vay ngân hàng tại 31/12/2020 là 117.761.886.617 đồng (xem tại thuyết minh số V.18).

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Phải trả các bên liên quan	-	-
Phải trả các người bán khác	31.227.613.379	17.008.813.139
Công ty CP Kỹ thuật Á Châu	8.410.236.061	8.441.098.267
Công ty Cổ Phần thiết bị Đông Đô	1.800.252.000	-
Công ty Tư vấn EPTISA	4.524.011.380	-
Các đối tượng người bán khác	16.493.113.938	8.567.714.872
Cộng	31.227.613.379	17.008.813.139

Trong đó, nợ quá hạn thanh toán tại thời điểm 31/01/2020 là 0 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG
 Số 57 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
<i>Người mua trả tiền trước là các bên liên quan</i>	-	-
<i>Người mua trả tiền trước là các khách hàng khác</i>	1.041.688.330	939.160.070
BQLDA Đầu tư XD các Công trình Giao thông Đà Nẵng	183.836.674	183.836.674
Công ty CP Đầu tư Xây dựng & Phát triển Hạ tầng Nam Việt Á	258.860.783	258.860.783
Trung Tâm Phát Triển Quỹ đất Thành Phố Đà Nẵng	210.986.000	-
Công ty TNHH Công Viên Châu Á	158.936.222	-
Các khách hàng khác	229.068.651	496.462.613
Cộng	<u>1.041.688.330</u>	<u>939.160.070</u>

14. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	<u>01/01/2020</u>		Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	<u>31/12/2020</u>	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	16.555.604.371	213.028.124	3.535.781.884	7.278.199.550	20.225.556.962	140.563.049
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	9.954.097.538	34.204.896.202	37.661.238.656	10.582.859	6.508.337.943
Thuế thu nhập cá nhân	-	928.708.075	861.091.491	1.678.294.732	-	111.504.834
Thuế tài nguyên	-	417.094.300	4.445.841.050	4.462.258.500	-	400.676.850
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	1.369.394.135	-	14.079.208.191	12.709.814.056	-	-
Các loại thuế khác	-	-	40.533.568	40.533.568	-	-
Phí và lệ phí	-	5.746.191.507	64.718.815.133	66.892.223.388	-	3.572.783.252
Cộng	<u>17.924.998.506</u>	<u>17.259.119.544</u>	<u>121.886.167.519</u>	<u>130.722.562.450</u>	<u>20.236.139.821</u>	<u>10.733.865.928</u>

Số thuế phải nộp của Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi và điều chỉnh khi có quyết định của Cơ quan thuế.

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho các hoạt động áp dụng mức thuế suất theo quy định hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG

Số 57 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được xác định như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	160.760.563.993	204.876.336.141
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	10.289.977.018	3.147.882.807
- Các khoản điều chỉnh tăng	10.289.977.018	4.049.782.193
+ Chi phí không hợp lệ (*)	341.482.299	405.198.000
+ Chênh lệch chi phí nước thô nộp về NN	9.948.494.719	9.571.785.098
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	901.899.386
Thu nhập chịu thuế	<u>171.050.541.011</u>	<u>208.024.218.948</u>
- Thu nhập chịu thuế của hoạt động kinh doanh thông thường	171.093.864.019	208.024.218.948
Lỗi các năm trước được chuyển	69.383.008	-
Thu nhập tính thuế	<u>170.981.158.003</u>	<u>208.024.218.948</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	34.204.896.202	42.970.424.248
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	32.215.197.258	41.056.067.228
- Thuế TNDN tương ứng chênh lệch nước thô nộp hộ NN (*)	1.989.698.944	1.914.357.020
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u><u>32.215.197.258</u></u>	<u><u>41.056.067.228</u></u>

(*) Đây là phần thuế TNDN phải nộp thay cho Nhà nước tương ứng với phần chênh lệch chi phí nước thô được trích theo phê duyệt đơn giá nước tại Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 27/01/2014 và công văn số 801/STC-TCĐN ngày 05/02/2021.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các qui định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những qui định này thay đổi theo từng thời kỳ và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo qui định

15. Phải trả người lao động

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
Tiền lương phải trả	23.107.492.825	26.190.943.329
Cộng	<u><u>23.107.492.825</u></u>	<u><u>26.190.943.329</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG

Số 57 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2020	01/01/2020
VP công ty và các công ty con, chi nhánh trực thuộc	1.011.955.129	739.240.659
- Phí quản lý và thuê tài sản	68.841.270	-
- Chi phí sử dụng hóa đơn điện tử	364.705.623	383.408.666
- Phí thu hộ tiền nước	288.383.236	-
- Chi phí nhân công thuê ngoài	200.000.000	-
- Chi phí lãi vay dự trả	83.525.000	8.740.705
- Chi phí phải trả khác	6.500.000	347.091.288
Cộng	1.011.955.129	739.240.659

17. Phải trả khác**a. Ngắn hạn**

	31/12/2020	01/01/2020
Phải trả các bên liên quan	78.184.489.916	69.860.748.917
Ủy ban nhân dân Thành phố Đà Nẵng	78.184.489.916	69.860.748.917
- Tài sản nhận bàn giao từ ngân sách	54.127.696.839	46.105.320.839
- Phải nộp NSNN chênh lệch chi phí nước thô	7.958.793.077	7.657.428.078
- Phải trả ngân sách về vốn	16.098.000.000	16.098.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	12.140.946.040	13.684.547.330
Ban quản lý Dự án Cấp nước Thành phố Đà Nẵng	9.273.868.281	9.620.584.545
Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn - Đà Nẵng	1.221.614.989	1.221.614.989
Các đối tượng khác	1.645.462.770	2.842.347.796
Cộng	90.325.435.956	83.545.296.247

b. Dài hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Phải trả các bên liên quan	144.882.446.164	160.980.446.164
Ủy ban nhân dân Thành phố Đà Nẵng	144.882.446.164	160.980.446.164
- Phải trả ngân sách về vốn	144.882.446.164	160.980.446.164
Phải trả các đối tượng khác	4.600.258.060	4.262.529.792
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	4.600.258.060	4.262.529.792
Cộng	149.482.704.224	165.242.975.956

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG

Số 57 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**18. Vay và nợ thuê tài chính****18a. Ngắn hạn**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn đến hạn trả	23.949.280.625	23.949.280.625	18.718.988.375	18.718.988.375
- Quỹ đầu tư Phát triển Thành phố Đà Nẵng	15.371.866.000	15.371.866.000	16.409.048.030	16.409.048.030
- Ngân hàng Phát triển Châu Á	1.008.488.888	1.008.488.888	924.524.345	924.524.345
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	5.563.031.000	5.563.031.000	1.385.416.000	1.385.416.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	2.005.894.737	2.005.894.737	-	-
Cộng	23.949.280.625	23.949.280.625	18.718.988.375	18.718.988.375

18b. Dài hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn	246.792.531.533	246.792.531.533	160.904.370.767	160.904.370.767
- Quỹ đầu tư Phát triển Thành phố Đà Nẵng	135.706.186.065	135.706.186.065	136.596.681.523	136.596.681.523
- Ngân hàng Phát triển Châu Á	17.145.830.316	17.145.830.316	17.565.962.203	17.565.962.203
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	25.260.527.163	25.260.527.163	6.741.727.041	6.741.727.041
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	56.910.199.464	56.910.199.464	-	-
- NH TNHH MTV ShinHan Việt Nam - CN Đà Nẵng	11.769.788.525	11.769.788.525	-	-
Cộng	246.792.531.533	246.792.531.533	160.904.370.767	160.904.370.767
Trong đó				
- Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	23.949.280.625			18.718.988.375
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	222.843.250.908			142.185.382.392

a. Vay Quỹ Đầu tư Phát triển Thành phố Đà Nẵng theo các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 01/2015/HĐTĐ ngày 08/01/2015 để thực hiện dự án “Cải tạo trạm cấp nước Sơn Trà 1, Sơn Trà 2 và cải tạo tuyến ống D300 từ trạm cấp nước Sơn Trà 1 ra KDC đầu tuyến Sơn Trà – Điện Ngọc”. Hạn mức vay 13.676.000.000 đồng, thời hạn vay 05 năm. Lãi suất vay 8%/năm, được điều chỉnh mức lãi suất theo quy định của Ủy ban Nhân dân Thành phố ban hành từng thời kỳ (nếu có), lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Hình thức bảo đảm tiền vay: cho vay tín chấp theo Quyết định số 3992/QĐ-UBND ngày 18/06/2014 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Đà Nẵng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG

Số 57 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Hợp đồng tín dụng số 02/2016/HĐTĐ ngày 04/03/2016, thực hiện dự án “Máy phát điện dự phòng trạm bơm phòng mặn An Trạch”. Hạn mức vay 4.670.000.000 đồng, thời hạn vay 05 năm. Lãi suất vay 7%/năm, được điều chỉnh mức lãi suất theo quy định của Ủy ban Nhân dân Thành phố ban hành từng thời kỳ (nếu có), lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Hình thức bảo đảm tiền vay: cho vay tín chấp theo Quyết định số 09/QĐ-HĐQL ngày 05/02/2016 của Hội đồng quản lý Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Đà Nẵng.
 - Hợp đồng tín dụng số 09/2018/HĐTĐ ngày 24/10/2018, thực hiện dự án “Nâng công suất Nhà máy nước Cầu Đò thêm 120.000m³/ngày; Phân kỳ I: Nâng công suất thêm 60.000m³/ngày”. Hạn mức vay 146.500.000.000 đồng, thời hạn vay 12 năm. Lãi suất vay 7%/năm, được điều chỉnh mức lãi suất theo Quyết định về lãi suất của bên cho vay ban hành từng thời điểm, lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Hình thức bảo đảm tiền vay: Công trình xây dựng và máy móc thiết bị đã đầu tư và tài sản hình thành trong tương lai của dự án. (Xem thuyết minh số V.9, V.11)
 - Hợp đồng tín dụng số 01/2019/HĐTĐ ngày 14/01/2019, thực hiện dự án “Nhà máy nước hồ Hòa Trung công suất 10.000m³/ngày. Hạn mức vay 56.500.000.000 đồng, thời hạn vay 10 năm. Lãi suất vay 7%/năm, được điều chỉnh mức lãi suất theo Quyết định về lãi suất của bên cho vay ban hành từng thời điểm, lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Hình thức bảo đảm tiền vay: Hệ thống các tuyến ống cấp nước trên địa bàn thành phố đã đầu tư và tài sản hình thành trong tương lai của dự án. (xem thuyết minh số V.9, V.11)
- b. Vay Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) theo hợp đồng vay phụ giữa Bộ Tài chính và Công ty TNHH MTV Cấp nước Đà Nẵng ngày 29/07/2013, thực hiện dự án “Mở rộng hệ thống cấp nước Đà Nẵng giai đoạn 2012 – 2018”. Hạn mức vay 30.000.000 USD, thời hạn vay tối đa 25 năm. Lãi suất vay LIBOR thời hạn 6 tháng cộng với 0,5%/năm, lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Hình thức bảo đảm tiền vay: đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. (Xem thuyết minh số V.11)
- c. Vay ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng theo các hợp đồng tín dụng sau:
- Hợp đồng tín dụng số 01/2019/257027/HĐTĐ ngày 09/09/2019 để thực hiện cải tạo tuyến ống xi phông phòng mặn qua sông Cầu Đò. Hạn mức vay 10.935.000.000 đồng, thời hạn vay 5 năm. Lãi suất vay 8,5%/năm trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất sau điều chỉnh bằng lãi suất thả nổi tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 24 tháng trả lãi sau + biên độ 3,3%/năm và được điều chỉnh 06 tháng/lần vào ngày 01 của tháng đầu tiên của kỳ điều chỉnh lãi suất, lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Hình thức bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành trong tương lai. (xem thuyết minh số V.11)
 - Hợp đồng tín dụng số 02/2019/257027/HĐTĐ ngày 20/09/2019 để thực hiện lắp đặt tuyến ống Siphon D900HDPE qua Sông Hàn. Hạn mức vay 10.847.000.000 đồng, thời hạn vay 5 năm. Lãi suất vay 8,5%/năm trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất sau điều chỉnh bằng lãi suất thả nổi tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 24 tháng trả lãi sau + biên độ 3,3%/năm và được điều chỉnh 06 tháng/lần vào ngày 01 của tháng đầu tiên của kỳ điều chỉnh lãi suất, lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Hình thức bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành trong tương lai. (xem thuyết minh số V.11).
- d. Vay ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Đà Nẵng theo các hợp đồng tín dụng sau:
- Hợp đồng tín dụng số 63/2020/VCB-KHDN ngày 03/08/2020 để đầu tư thực hiện dự án “Tuyến ống cấp nước D400DI đường Võ Nguyên Giáp – Trường Sa (đoạn từ Hồ Xuân Hương đến Võ Quý Huân). Hạn mức vay 38.112.000.000 đồng, thời hạn vay 120 tháng. Lãi suất vay: Đối với 2 năm đầu kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên: Lãi suất vay = Lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau áp dụng cho khách hàng cá nhân của ngân hàng + 1,8%/năm; Lãi suất đối với thời gian vay còn lại: Lãi suất vay = Lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau áp dụng cho khách hàng cá nhân của ngân

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG

Số 57 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

hàng + 2,8%/năm, thời hạn điều chỉnh lãi suất vay 6 tháng 01 lần vào ngày 26/6 và 26/12 hàng năm, lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Hình thức bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành trong tương lai. (xem thuyết minh số V.11).

- Hợp đồng tín dụng số 93/2020/VCB-KHDN ngày 22/10/2020 để đầu tư thực hiện dự án “Đầu tư công trình Tuyến ống cấp nước D1200 DI, D1000 DI, D800 DI đường Thăng Long (đoạn từ nhà máy nước Cầu Đỏ đến cầu Tuyên Sơn). Hạn mức vay 156.300.000.000 đồng, thời hạn vay 144 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân vốn đầu tiên. Lãi suất vay: Đối với 2 năm đầu kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên: Lãi suất vay = Lãi suất cơ sở + 1,2%/năm; đối với 2 năm tiếp theo: Lãi suất vay = Lãi suất cơ sở + 1,8%/năm; đối với thời gian vay còn lại: Lãi suất vay = Lãi suất cơ sở + 2%/năm, (trong đó lãi suất cơ sở = Lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau áp dụng cho khách hàng cá nhân của ngân hàng), thời hạn điều chỉnh lãi suất vay 6 tháng 01 lần vào ngày 26/6 và 26/12 hàng năm, lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Hình thức bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành trong tương lai. (xem thuyết minh số V.11).

- e. Vay ngân hàng TNHH MTV ShinHan Việt Nam – CN Đà Nẵng theo hợp đồng tín dụng số SHBVN/ĐN/CR/HĐTD-001 ngày 11/12/2020 để thực hiện dự án “Tuyến ống cấp nước D1200DI, D800 DI Hòa Liên (đoạn từ nhà máy nước Hòa Liên đến đường số 2 Khu công nghiệp Hòa Khánh). Hạn mức vay 136.218.000.000 đồng, thời hạn vay 12 năm. Lãi suất vay 4 năm đầu tiên áp dụng lãi suất tham chiếu + biên độ 0,8%/năm, 08 năm tiếp theo áp dụng lãi suất tham chiếu + biên độ 0,9%/năm, việc thực hiện điều chỉnh lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần trong suốt thời gian vay, lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Lãi suất tham chiếu là lãi suất bình quân tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng áp dụng cho khách hàng cá nhân của bốn (04) ngân hàng bao gồm: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt nam và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam được công bố. Hình thức bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành trong tương lai. (xem thuyết minh số V.11).

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5.166.882.198	5.060.405.828
Quỹ thưởng ban quản lý, điều hành	119.508.000	210.315.980
Cộng	<u>5.286.390.198</u>	<u>5.270.721.808</u>

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm

	<u>01/01/2020</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Giảm trong năm</u>	<u>31/12/2020</u>
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5.060.405.828	10.800.000.000	(10.693.523.630)	5.166.882.198
Quỹ thưởng ban quản lý, điều hành	210.315.980	597.540.000	(688.347.980)	119.508.000
Cộng	<u>5.270.721.808</u>	<u>11.397.540.000</u>	<u>(11.381.871.610)</u>	<u>5.286.390.198</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG

Số 57 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**20. Vốn chủ sở hữu****20a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn CP	Quỹ đầu tư phát triển	LN sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2019	579.640.610.000	8.993.538.265		79.042.065.265	667.676.213.530
Tăng trong năm	-	-	20.332.152.122	161.725.532.016	182.057.684.138
Tăng do hợp nhất	-	-	-	(128.527.747.229)	(128.527.747.229)
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2019	579.640.610.000	8.993.538.265	20.332.152.122	112.239.850.052	721.206.150.439
Số dư tại 01/01/2020	579.640.610.000	8.993.538.265	20.332.152.122	114.154.207.072	723.120.507.459
Tăng trong năm	-	-	38.820.764.782	128.554.031.337	167.374.796.119
Giảm trong năm	-	-	-	(164.407.504.952)	(164.407.504.952)
Trích lập quỹ trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2020	579.640.610.000	8.993.538.265	59.152.916.904	78.300.733.457	726.087.798.626

20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2020		01/01/2020	
	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)	VND
Ủy ban Nhân dân Thành phố Đà Nẵng	60,08	348.242.170.000	60,08	348.242.170.000
Công ty CP Đầu tư Đà Nẵng Miền Trung	35,00	202.867.440.000	35,00	202.867.440.000
Các cổ đông khác	4,92	28.531.000.000	4,92	28.531.000.000
Cộng	100,00	579.640.610.000	100,00	579.640.610.000

20c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	114.154.207.072	79.042.065.265
Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận năm trước	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm	128.554.031.337	163.639.889.036
Phân phối lợi nhuận	164.407.504.952	128.527.747.229
Phân phối lợi nhuận năm trước	112.239.850.052	76.360.092.329
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	10.800.000.000	10.306.652.627
- Trích quỹ Ban quản lý điều hành	597.540.000	509.320.000
- Chia cổ tức bằng tiền	62.021.545.270	45.211.967.580
- Quỹ đầu tư phát triển	38.820.764.782	20.332.152.122
Phân phối lợi nhuận năm nay (chia cổ tức)	52.167.654.900	52.167.654.900
Cộng	78.300.733.457	114.154.207.072

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG

Số 57 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**20d. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	579.640.610.000	579.640.610.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	579.640.610.000	579.640.610.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	114.189.200.170	97.379.622.480

20e. Cổ phiếu

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	57.964.061	57.964.061
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	57.964.061	57.964.061
- Cổ phiếu thường	57.964.061	57.964.061
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	57.964.061	57.964.061
- Cổ phiếu thường	57.964.061	57.964.061
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

**21. Tài khoản ngoài bảng
Ngoại tệ các loại**

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
USD	12.548,32	12.561,52
Cộng	<u>12.548,32</u>	<u>12.561,52</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (đơn vị tính: VNĐ)**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu ngành nước	485.776.201.647	543.007.977.306
Doanh thu các hoạt động khác	5.538.476.016	4.577.973.973
Cộng	<u>491.314.677.663</u>	<u>547.585.951.279</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG
 Số 57 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn ngành nước	255.335.854.883	274.109.599.974
Giá vốn các hoạt động khác	3.279.423.038	5.107.152.047
Cộng	<u>258.615.277.921</u>	<u>279.216.752.021</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	29.158.609.442	31.010.884.616
Lãi chênh lệch tỷ giá	300.382.335	63.320.050
Cộng	<u>29.458.991.777</u>	<u>31.074.204.666</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	6.419.322.254	1.603.031.099
Phân bổ chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn đầu tư	3.944.774.884	3.944.774.884
Lỗ chênh lệch tỷ giá	362.810.915	89.919.818
Cộng	<u>10.726.908.053</u>	<u>5.637.725.801</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhiên liệu, vật liệu	10.373.199.634	12.991.150.372
Chi phí nhân viên bán hàng	25.867.696.443	28.966.996.870
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	189.612.845	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.104.454.963	2.489.960.856
Chi phí khác bằng tiền	2.006.754.707	4.657.472.991
Cộng	<u>42.541.718.592</u>	<u>49.105.581.089</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhiên liệu, vật liệu	397.686.735	-
Chi phí nhân viên quản lý	26.430.485.548	24.703.402.072
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.977.641.890	4.577.912.870
Dự phòng phải thu khó đòi	1.284.463.915	-
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	(906.047.804)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.764.141.180	13.591.621.441
Chi phí bằng tiền khác	5.927.533.650	6.600.367.469
Cộng	<u>53.781.952.918</u>	<u>48.567.256.048</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG
 Số 57 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hoàn nhập quỹ phát triển KHCN	1.554.577.990	-
Thu nhập thanh lý TSCĐ	-	255.236.213
Thu bồi thường	319.900.000	-
Giá dịch vụ thoát nước để lại phục vụ công tác thu	2.844.973.930	3.001.346.561
Thu tiền sang tên ký lại hợp đồng	2.145.455	-
Giá trị vật tư thu hồi	-	1.979.956.032
Xử lý tiền ký quỹ tiền nước không xác định được đối tượng	587.275.732	-
Thu nhập khác	373.753.883 #	4.344.592.703
Cộng	<u>5.682.626.990</u>	<u>9.581.131.509</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí phạt và truy thu theo biên bản kiểm tra thuế	-	200.000.000
GTCL TSCĐ giảm hư hỏng	29.874.953	637.636.352
Xử lý công nợ nhỏ lẻ	-	2
Cộng	<u>29.874.953</u>	<u>837.636.354</u>

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	128.554.031.337	163.639.889.036
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(11.397.540.000)
- LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	128.554.031.337	152.242.349.036
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	57.964.061	57.964.061
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng /cổ phiếu) (*)	<u>2.218</u>	<u>2.626</u>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	57.964.061	57.964.061
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	<u>57.964.061</u>	<u>57.964.061</u>

10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	128.554.031.337	152.242.349.036
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận:		
- Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu		
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	57.964.061	57.964.061
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu) (*)	<u>2.218</u>	<u>2.626</u>

(*) Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2020 được tính theo lợi nhuận sau thuế chưa trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi (do Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên chưa quy định cụ thể tỷ lệ trích các quỹ này). Căn cứ vào kết quả kinh doanh cuối năm, Hội đồng Quản trị sẽ dự kiến trích các quỹ khen thưởng, phúc lợi và trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	56.583.391.227	54.517.147.173
Chi phí nhân công	122.463.269.599	114.219.385.277
Chi phí khấu hao tài sản cố định	67.756.828.234	91.299.160.396
Chi phí dịch vụ mua ngoài	97.341.523.064	84.907.445.530
Chi phí khác	10.135.125.297	32.843.744.527
Cộng	<u>354.280.137.421</u>	<u>377.786.882.903</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (đơn vị tính: VNĐ)

1. Tiền thu từ đi vay

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	105.736.021.620	96.790.599.266
Cộng	<u>105.736.021.620</u>	<u>96.790.599.266</u>

2. Tiền trả nợ gốc vay

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền chi các khoản đi vay theo kế ước thông thường	19.917.986.765	7.085.221.381
Cộng	<u>19.917.986.765</u>	<u>7.085.221.381</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG

Số 57 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (Đơn vị tính: VNĐ)****1. Các bên liên quan****1.a Các bên liên quan**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Ủy Ban Nhân dân Thành phố Đà Nẵng	Bên đầu tư
Công ty Cổ phần Đầu tư Đà Nẵng - Miền Trung	Bên đầu tư

1.b Giao dịch với các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Ủy Ban Nhân dân TP Đà Nẵng		
- Nhận Bàn giao TSCĐ	8.022.376.000	13.261.334.000
- Chênh lệch chi phí nước thô phát sinh	9.948.494.719	9.571.785.098
- Chia cổ tức	68.603.707.490	89.846.479.860
- Phải trả về cổ phần hóa	-	5.402.811.564

1c. Số dư với các bên liên quan

	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
Ủy Ban Nhân dân TP Đà Nẵng		
- Tài sản nhận bàn giao từ ngân sách	54.127.696.839	46.105.320.839
- Chênh lệch chi phí nước thô	7.958.793.077	7.657.428.078
- Phải trả ngân sách về vốn	160.980.446.164	177.078.446.164

1.d Thu nhập của Ban điều hành

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập của Hội đồng Quản trị	1.263.034.980	865.123.749
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng	2.874.081.371	3.830.512.874
Thù lao Ban kiểm soát	1.152.351.885	1.083.668.113
Cổ tức	99.091.000	129.774.000
Cộng	5.388.559.236	5.909.078.736

2. Thông tin về bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn chuẩn mực này thì Tập đoàn cần lập Báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn có thể tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chính là sản xuất và kinh doanh ngành nước và trên địa bàn Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG

Số 57 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**3. Tài sản đảm bảo**

Tập đoàn đã cầm cố thế chấp TSCĐ hữu hình và tài sản đang đầu tư xây dựng cơ bản dở dang của mình để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng (xem thuyết minh số V.16). Giá trị còn lại của tài sản thế chấp tại ngày 31/12/2020 là 206.010.500.556 đồng và giá trị đầu tư xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31/12/2020 là 117.761.886.617 đồng.

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác. Một số chỉ tiêu được điều chỉnh hồi tố, cụ thể:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Mã số	Chỉ tiêu	31/12/2019 (trước điều chỉnh)	01/01/2020 (sau điều chỉnh)	Chênh lệch
319	Phải trả ngắn hạn khác	85.459.653.267	83.545.296.247	(1.914.357.020)
421	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	112.239.850.052	114.154.207.072	1.914.357.020
421a	-LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	2.681.972.936	2.681.972.936	-
421b	-LNST chưa phân phối kỳ này	109.557.877.116	111.472.234.136	1.914.357.020

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất

Mã số	Chỉ tiêu	Năm trước (trước điều chỉnh)	Năm sau (sau điều chỉnh)	Chênh lệch
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	42.970.424.248	41.056.067.228	(1.914.357.020)
60	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	161.725.532.016	163.639.889.036	1.914.357.020
61	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	161.725.532.016	163.639.889.036	1.914.357.020
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.626	1.111	(1.515)
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.626	1.111	(1.515)

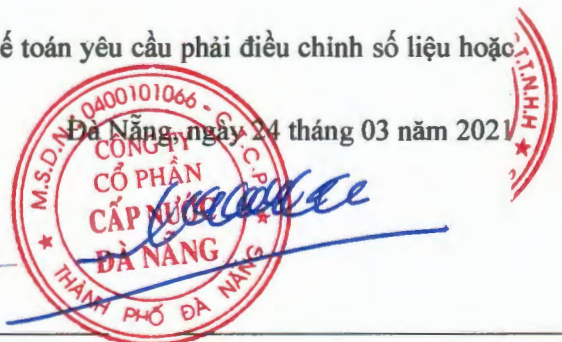
Trong năm Tập đoàn có điều chỉnh hồi tố chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu của số liệu so sánh, do xác định lại lợi nhuận sau thuế của cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số đã trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2020.

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Không có yếu tố nào đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Tập đoàn và các biện pháp, cam kết đảm bảo cho sự hoạt động trong thời gian tới của Tập đoàn.

5. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

**PHẠM HỒNG MINH**

Người lập biểu

PHAN THỊNH

Kế toán trưởng

HỒ HƯƠNG

Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG

Người đại diện theo pháp luật

TỔNG GIÁM ĐỐC



[Handwritten signature in blue ink]

HỒ HƯƠNG